

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....	3
1.1. Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:.....	3
<i>1.1.1. Ý nghĩa của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Yêu cầu quản lý của việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:</i>	<i>3</i>
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:</i>	<i>4</i>
1.2. Nội dung cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	5
<i>1.2.1. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:</i>	<i>5</i>
<i>1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:</i>	<i>6</i>
<i>1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán:</i>	<i>14</i>
<i>1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán:</i>	<i>15</i>
<i>1.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:</i>	<i>20</i>
<i>1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí khác:.....</i>	<i>26</i>
<i>1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí khác:.....</i>	<i>27</i>
<i>1.2.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>	<i>30</i>
<i>1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:</i>	<i>32</i>
1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong điều kiện kế toán máy:.....	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN.....	36
2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh.....	36
<i>2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH Tâm Chiến.....</i>	<i>36</i>

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty:	37
2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm:	37
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm:	38
2.1.2.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:	39
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	40
2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:	40
2.1.3.2.Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty:	41
2.1.3.3. Hình thức sổ kế toán và trình tự ghi sổ:	42
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	47
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	47
2.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tâm Chiến :	87
2.2.8. Tổng hợp thu, chi và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	96
3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN	100
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN	101
TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN.....	101
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	101
3.1.1. Ưu điểm:	101
3.1.2. Hạn chế:	103
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:	104
3.3. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	104
3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	105
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ.....	105
3.4.2. Kiến nghị 2: Áp dụng chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng:	106

3.4.3. Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm	109
3.4.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:	109
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:	110
3.5.1. Về phía nhà nước:.....	110
3.5.2. Về phía công ty:	110
KẾT LUẬN	112
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	113

LỜI MỞ ĐẦU

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có thể xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng trước hết phải nhìn vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó. Nhưng để xác định và đánh giá đúng đắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thì các bộ phận cấu thành nên nó phải được hạch toán một cách cụ thể và chính xác. Chính vì vậy, đối với các doanh nghiệp, khâu bán hàng và xác định kết quả bán hàng luôn được quan tâm thích đáng. Xác định đúng đắn doanh thu bán hàng, kết quả bán hàng chính là cơ sở xác định chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước, cơ cấu phân chia và sử dụng lợi nhuận tiêu thụ thu được, giải quyết hài hoà các lợi ích kinh tế của Nhà nước, tập thể và người lao động trong doanh nghiệp.

Thực hiện tốt khâu bán hàng (tiêu thụ sản phẩm) là cơ sở để doanh nghiệp đảm bảo thu hồi vốn để thực hiện tái sản xuất giản đơn và có tích lũy để thực hiện quá trình tái sản xuất mở rộng. Chỉ qua khâu tiêu thụ thì tính chất hữu ích của sản phẩm sản xuất ra mới được xã hội thừa nhận. Đồng thời thực hiện tốt khâu sản xuất và tiêu thụ là tiền đề để tăng thu nhập cho doanh nghiệp, ổn định tình hình tài chính của doanh nghiệp, nâng cao đời sống của người lao động.

Xuất phát từ thực tế khách quan để quản lý một cách có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong đó có quản lý doanh thu bán hàng và xác định kết quả bán hàng, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải sử dụng đồng thời hàng loạt các công cụ quản lý khác nhau. Kế toán với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đã và đang là một công cụ sắc bén và hữu hiệu. Từ nhận thức trên, Công ty TNHH Tâm Chiến đã thực sự coi trọng công tác kế toán, sử dụng nó như một công cụ đắc lực để quản lý vốn, tài sản của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong đó, bộ phận kế toán doanh thu bán hàng và xác định kết quả bán hàng là phần hành kế toán trọng yếu.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán. Vì vậy, em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến”.

Nội dung bài luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: ***Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất.***

Chương 2: ***Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Công ty TNHH Tâm Chiến.***

Chương 3: ***Những biện pháp, phương hướng nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến.***

Mặc dù đã có gắng nghiên cứu, tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán và dưới sự hướng dẫn của cô giáo Thạc sĩ Bùi Thị Thuý, em đã phần nào nắm được tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những sai sót.

Em mong nhận được sự góp ý và ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.

1.1. Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi đất nước ta đang chuyển sang nền kinh tế thị trường và nước ta đã gia nhập WTO một sân chơi lớn đối với các doanh nghiệp. Vì quá trình này chuyển hoá vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị “tiền tệ”, doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn và tiết kiệm được các chi phí vốn để tái sản xuất kinh doanh.

1.1.1. Ý nghĩa của hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và hoạt động của các doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu với chi phí đã bỏ ra phục vụ cho sản xuất kinh doanh nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp sẽ có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ. Việc xác định kết quả kinh doanh được làm vào cuối kì kinh doanh thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh hoặc yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý.....

1.1.2. Yêu cầu quản lý của việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Với việc xác định kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và

sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động. Tóm lại việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất:

Kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhuận, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Khi thực hiện tốt các yêu cầu trên nó sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn mang lại lợi nhuận cho doanh

ngành đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin.

1.2. Nội dung cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1.2.1. Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng :

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: số sản phẩm, hàng hoá nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

a. Khái niệm:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

➤ **Chứng từ sử dụng:**

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp

trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

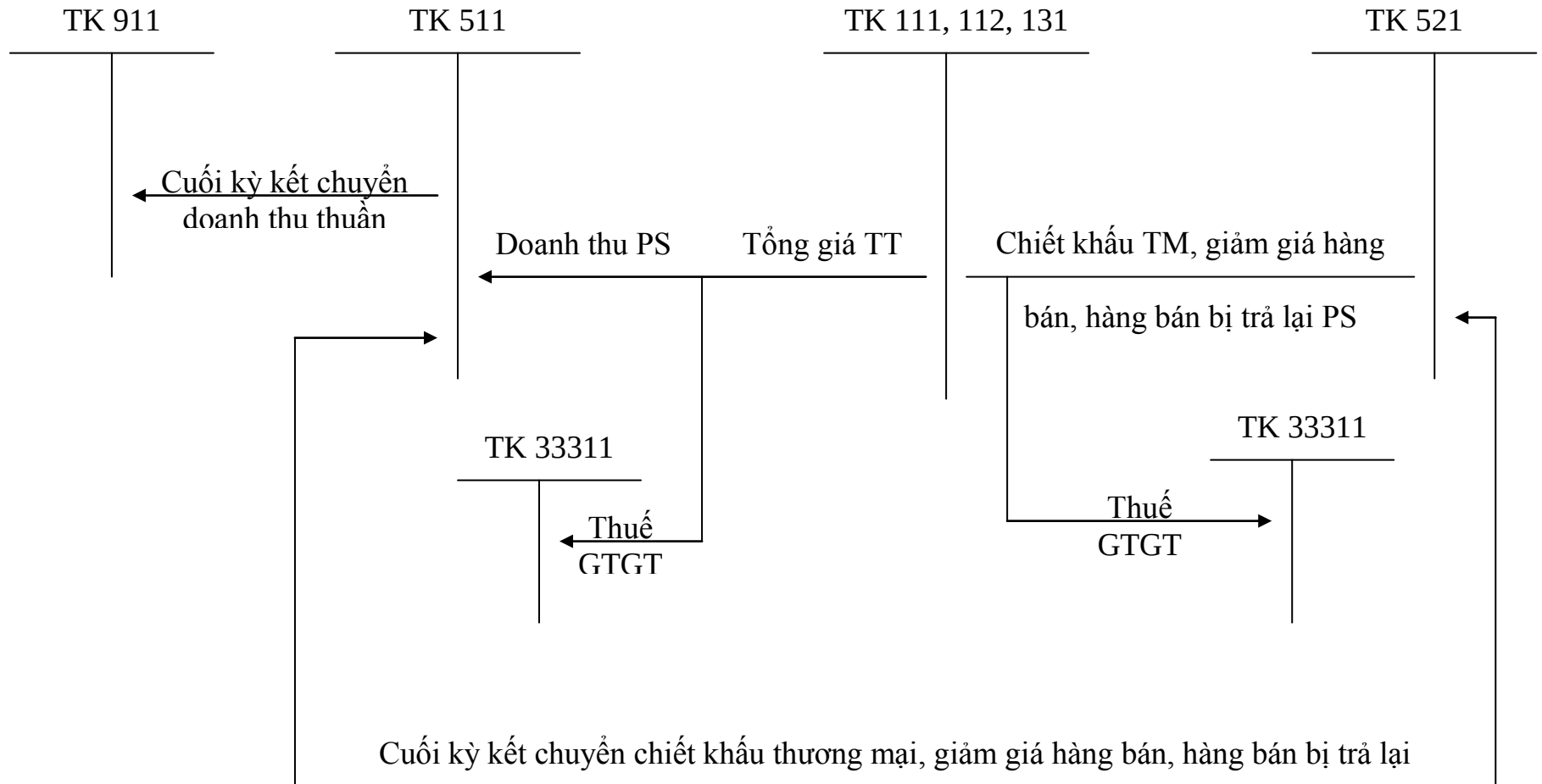
TK 511 có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5118: Doanh thu khác: tài khoản này phản ánh về doanh thu cho thuê hoạt động, nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

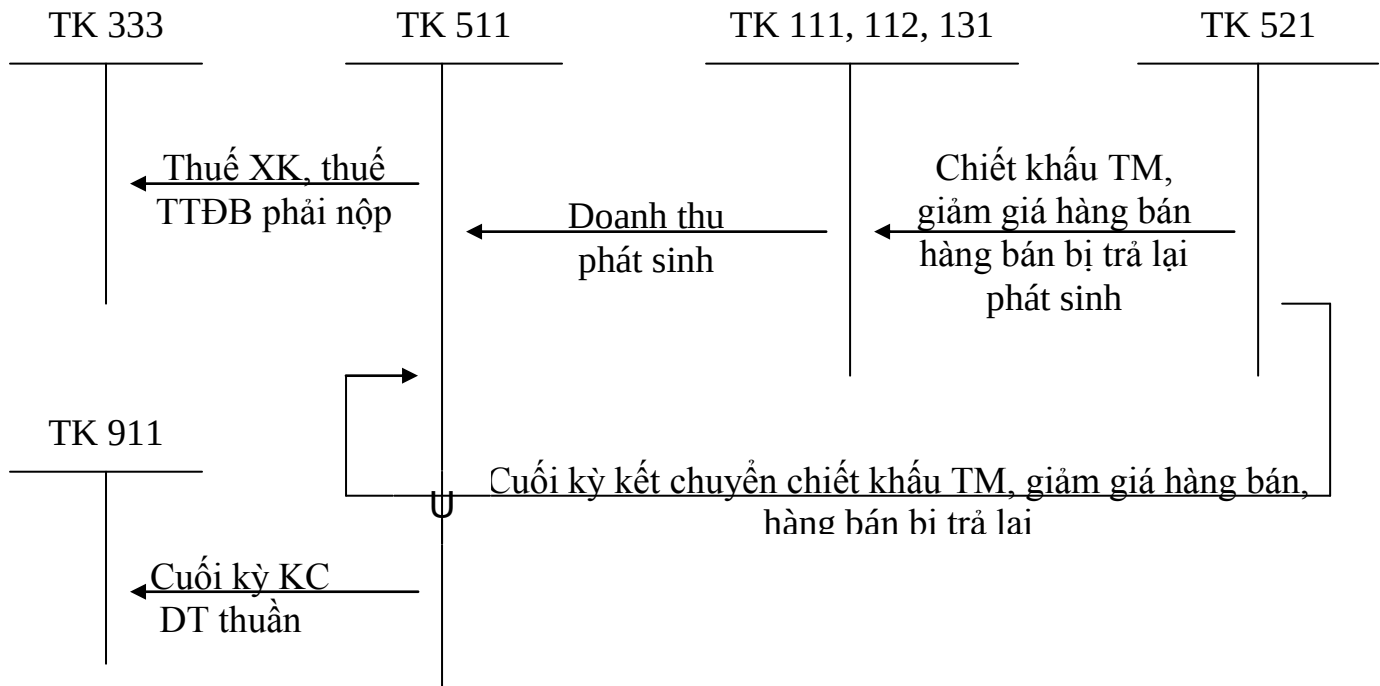
*Trình tự kế toán:

**Sơ đồ 1.1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**

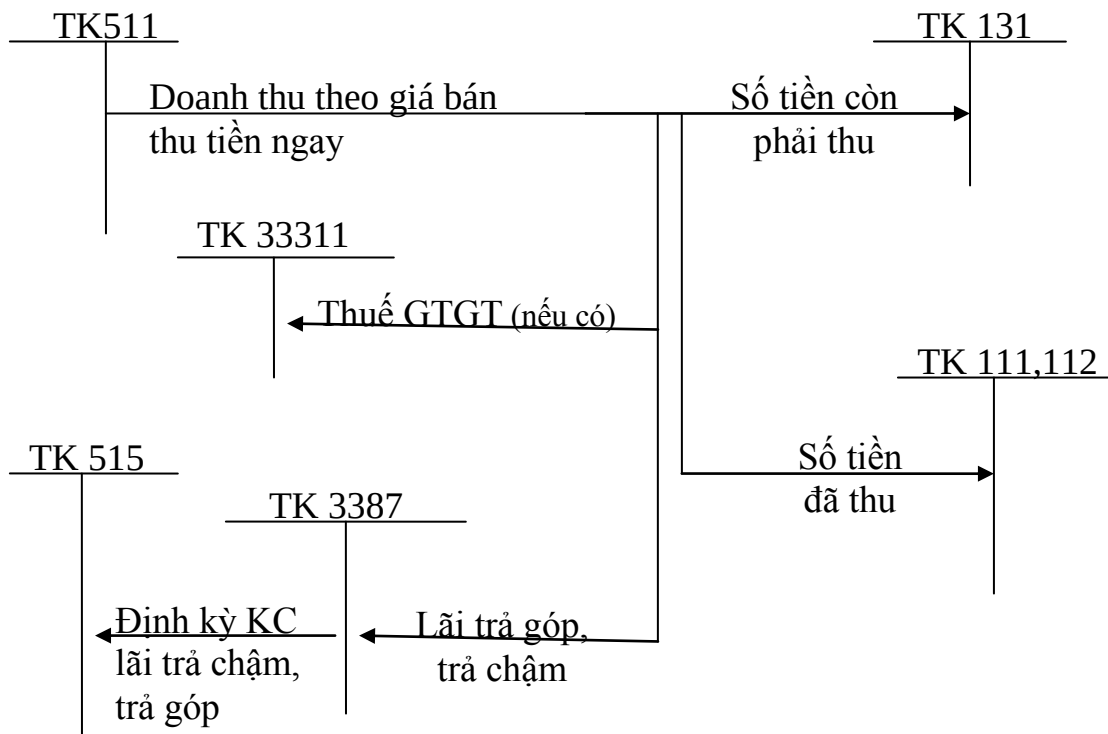


Sơ đồ 1.1.2. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

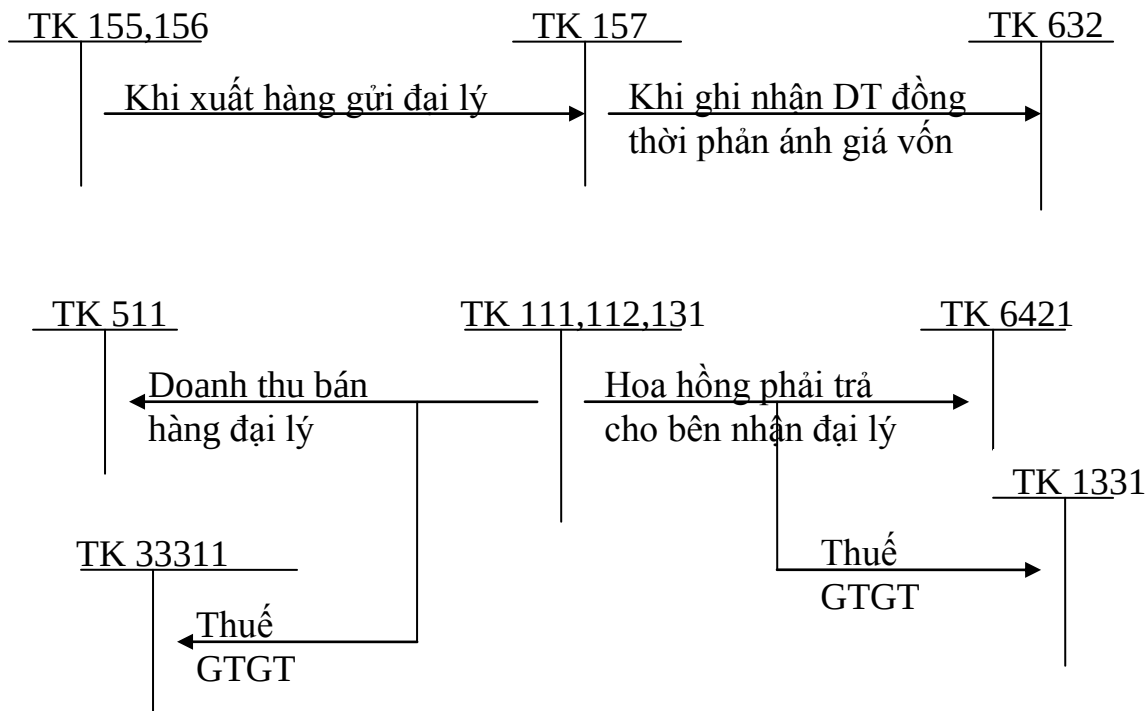
(Trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



Sơ đồ 1.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.1.4. Kế toán doanh thu bán hàng đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng



1.2.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

a. Khái niệm:

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lặt hậu thị hiếu.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu: được xác định theo số lượng sản phẩm đã tiêu thụ. Trong đó:

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: là số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên tỷ lệ % doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.
- + Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp tính trên % doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.
- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

b. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

**** Chứng từ và tài khoản sử dụng:***

➤ Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn bán hàng thông thường

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng khác liên quan như: phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong tài khoản 521 bao gồm: chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521:

Bên nợ:

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra;
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

Bên có:

Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

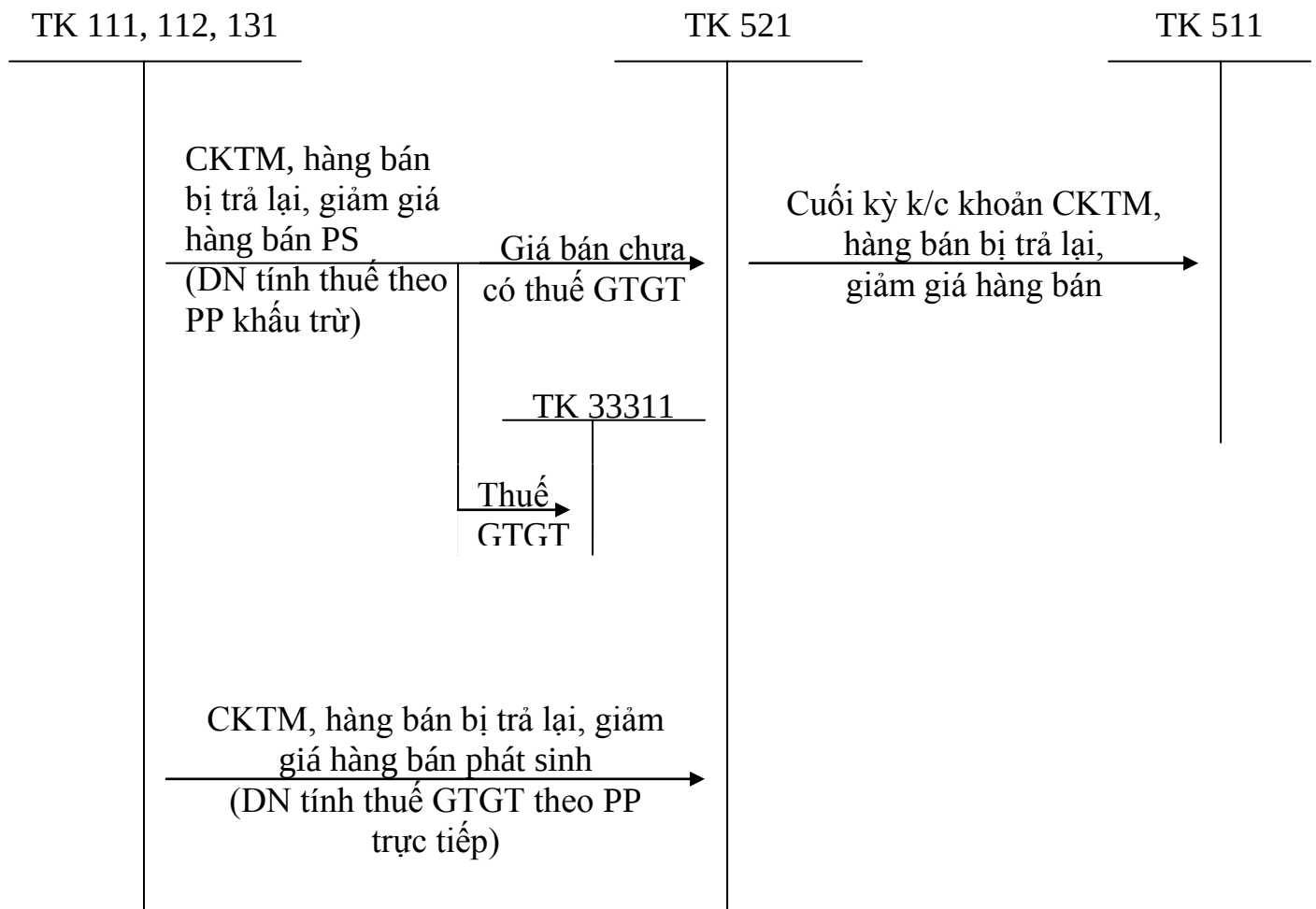
Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác có liên quan đến bán hàng.
- TK 5212 – Hàng bán bị trả lại: phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.
- TK 5213 – Giảm giá hàng bán: phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

* Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.2. Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán:

a. Khái niệm:

Giá vốn hàng bán: là giá trị vốn sản phẩm, vật tư, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, dịch vụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Đối với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ thì giá vốn bao gồm giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ (nếu có).

b. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng hoá xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Giá thực tế của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Giá trị của hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị của hàng hoá nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập i} = \frac{\text{Giá trị hàng hoá tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế tồn kho sau lần nhập i}}$$

➤ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

➤ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất

kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

➤ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho.

b. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán:

**** Chứng từ và tài khoản sử dụng:***

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

➤ Tài khoản sử dụng:

❖ *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành của sản phẩm xây lắp (đối với DN xây lắp) bán trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632:

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp vượt lên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

- + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước).

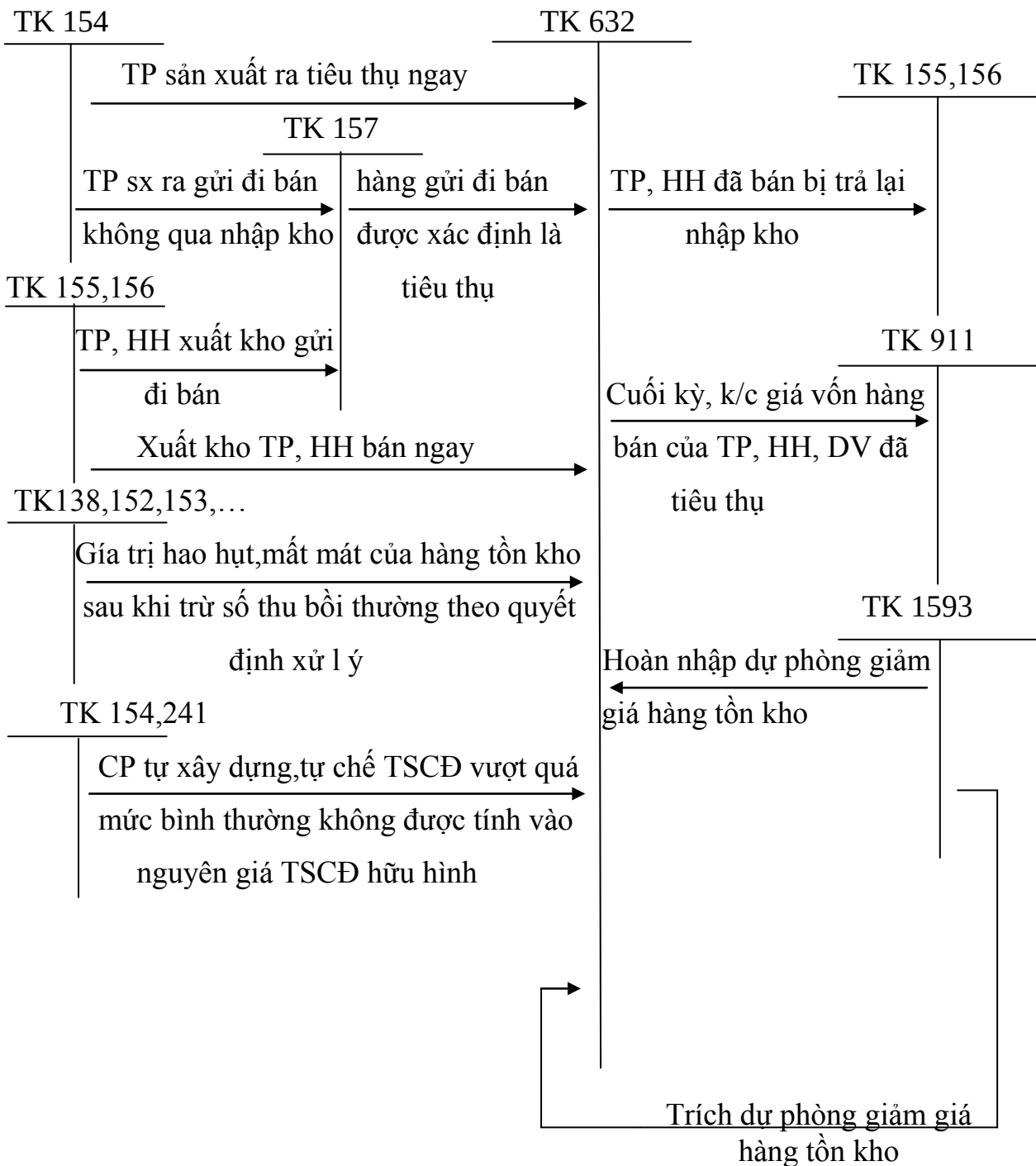
Bên có:

- + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- + Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- * Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Sơ đồ 1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

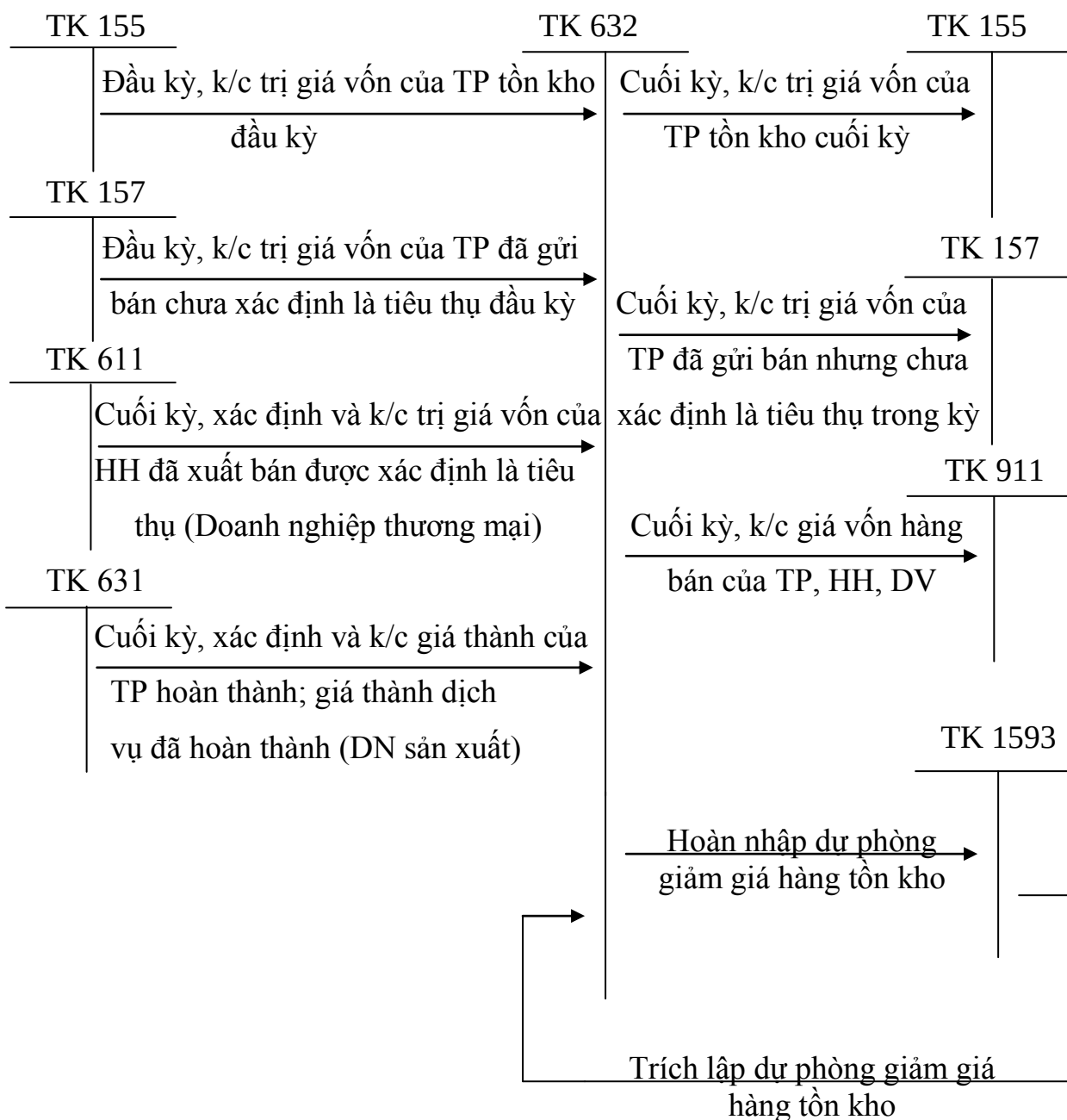
Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 611 – Mua hàng: tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa (hàng tồn kho) mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ

Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất: tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn...

* Trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Sơ đồ 1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

a. Khái niệm:

Chi phí quản lý kinh doanh: bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng: là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hội nghị khách hàng, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, chi phí bằng tiền khác...

b. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

* Chứng từ và tài khoản sử dụng:

➤ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642:

Bên nợ:

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Bên có:

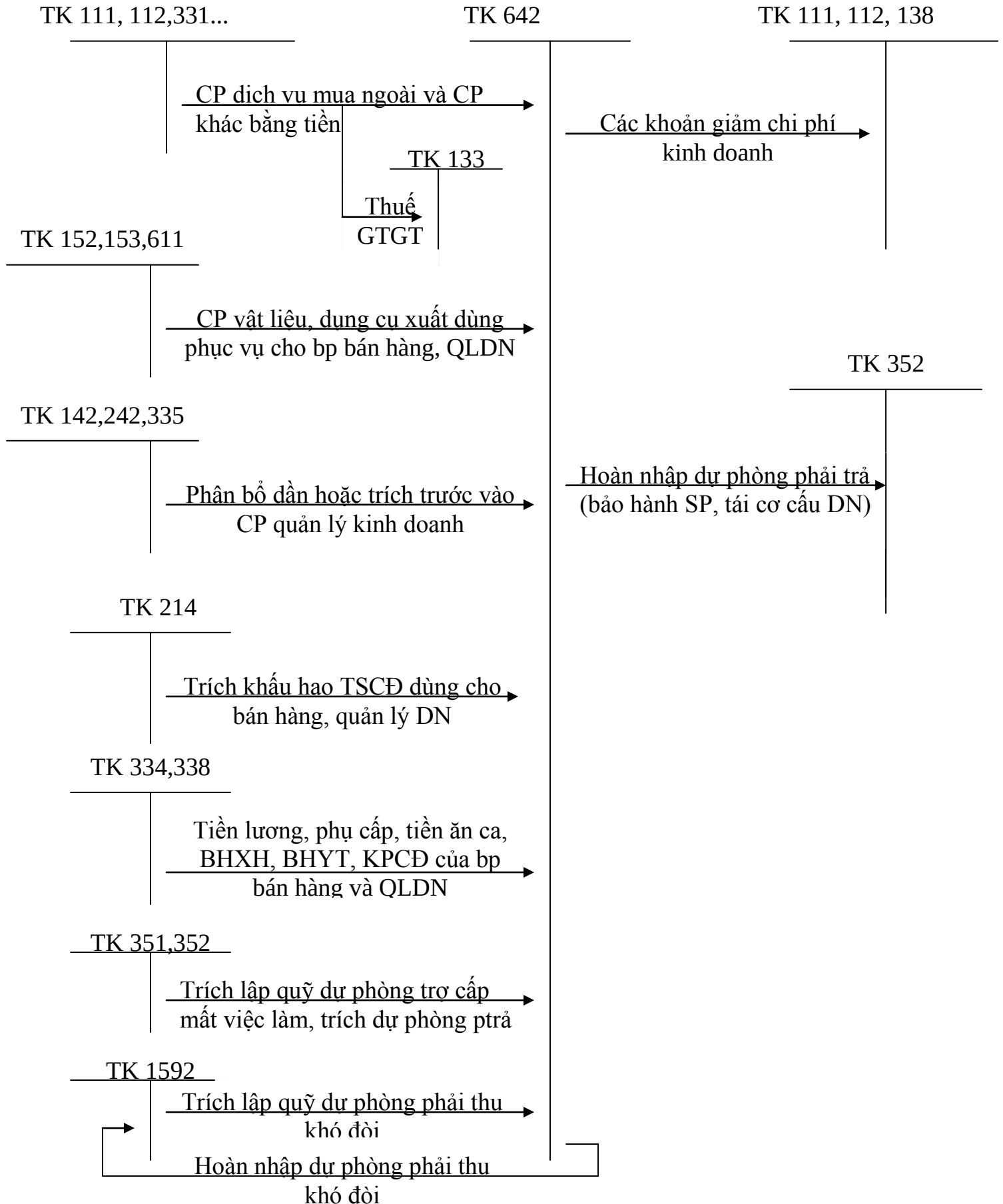
- + Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ;
- + Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên nợ của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí bán hàng.
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính:

a. Khái niệm:

- Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- Chi phí tài chính: Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

b. Tổ chức kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính:

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, báo nợ của Ngân hàng.
- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

❖ **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 515:

Bên nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- + Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- + Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- + Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- + Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- + Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

- + Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- + Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ ***Tài khoản 635 – Chi phí tài chính:*** Tài khoản này phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,....

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635:

Bên nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ bán ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

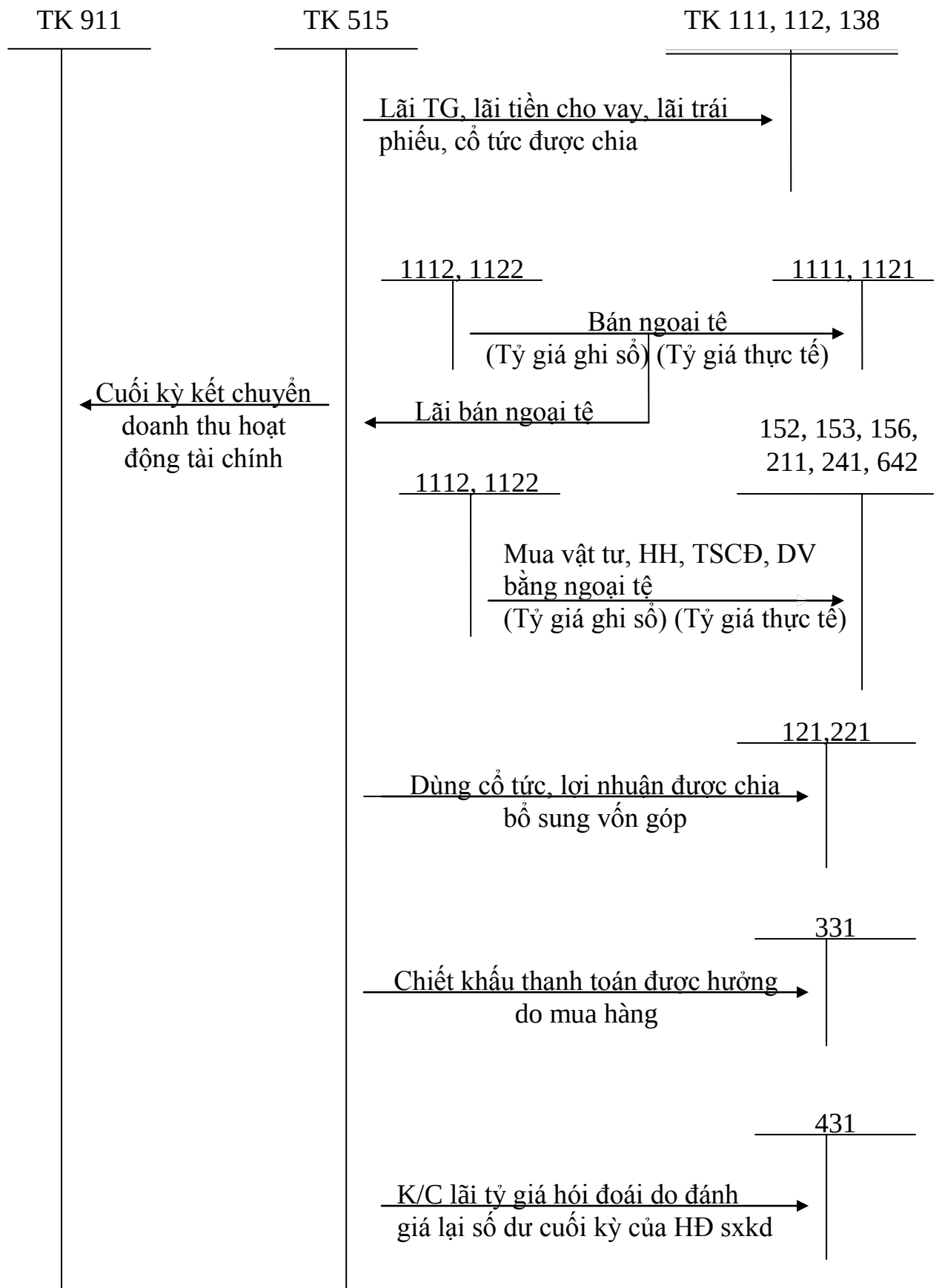
Bên có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh;

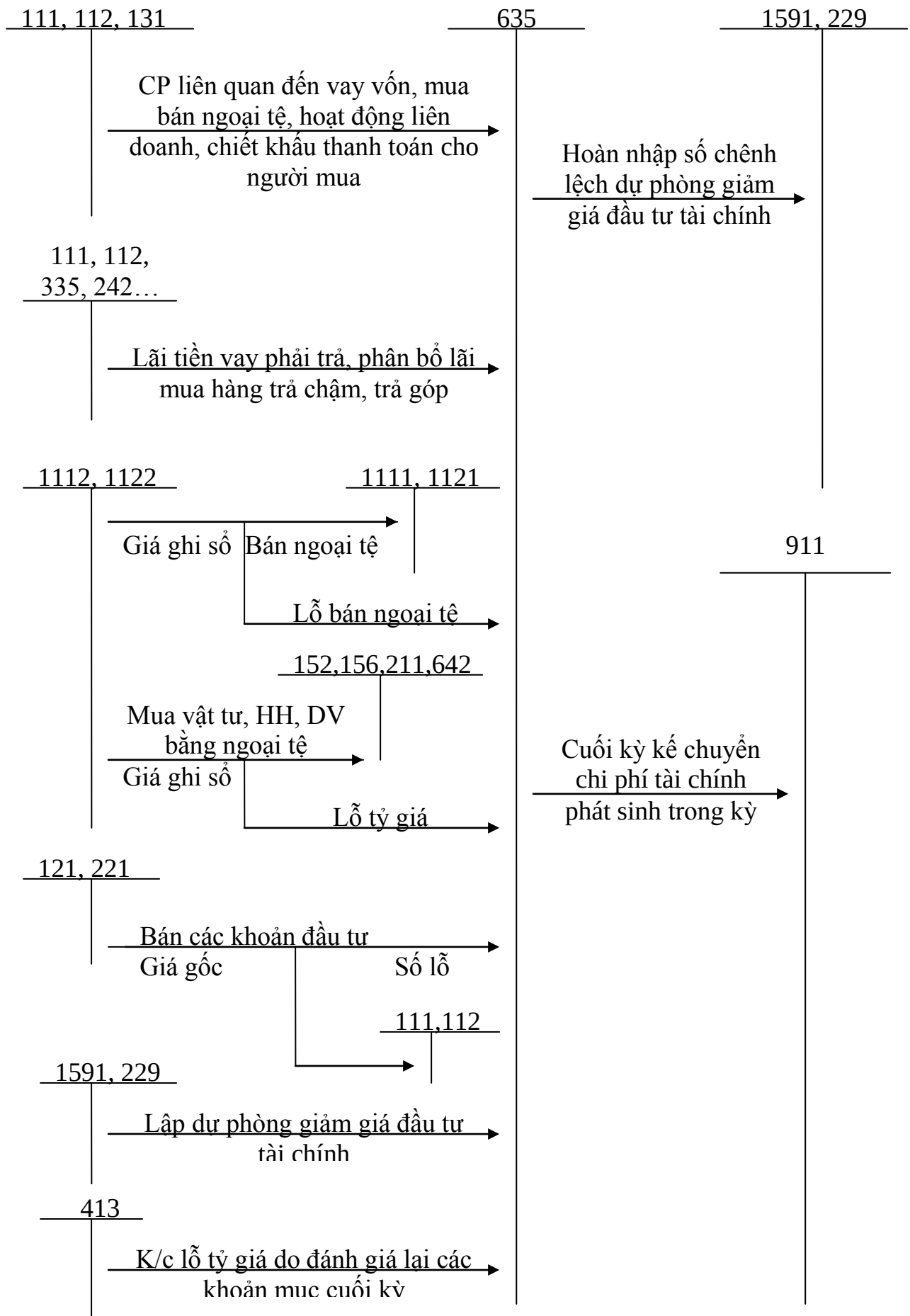
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

* Trình tự kế toán :

Sơ đồ 1.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí khác:

a. Khái niệm:

- Thu nhập khác: phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư tài chính dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản là thuê tài chính.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- + Một số khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

- Chi phí khác: Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

b. Tổ chức kế toán thu nhập và chi phí khác:

* Chứng từ và tài khoản sử dụng:

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan: biên bản thanh lý tài sản,...

➤ Tài khoản sử dụng:

❖ ***Tài khoản 711 - Thu nhập khác***

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711

Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

+ Cuối kỳ kế toán quyết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

+ Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ ***Tài khoản 811 – Chi phí khác***

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811

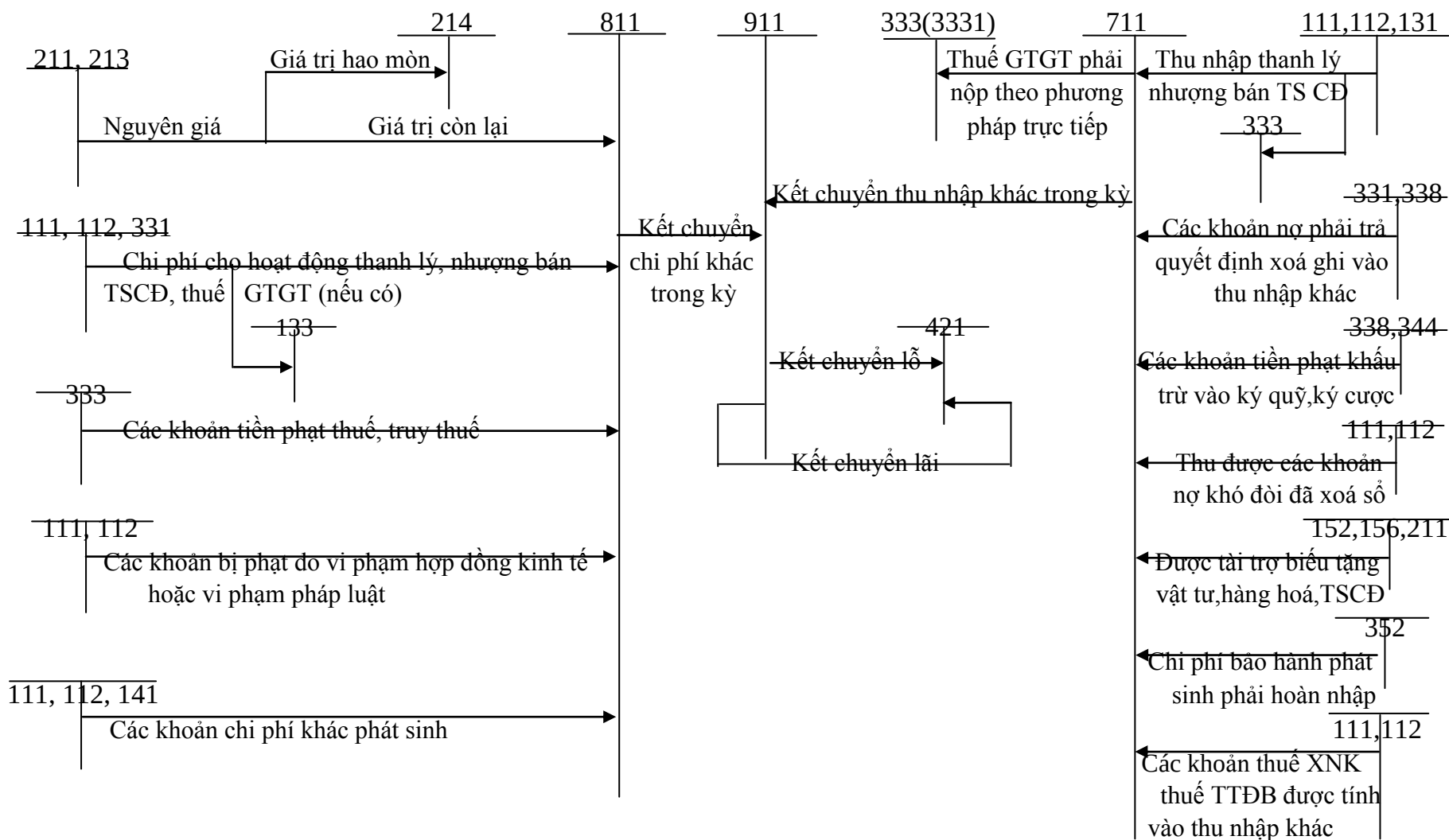
Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

* Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập và chi phí khác



1.2.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ TK kế toán sử dụng:

- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821:

Bên nợ:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

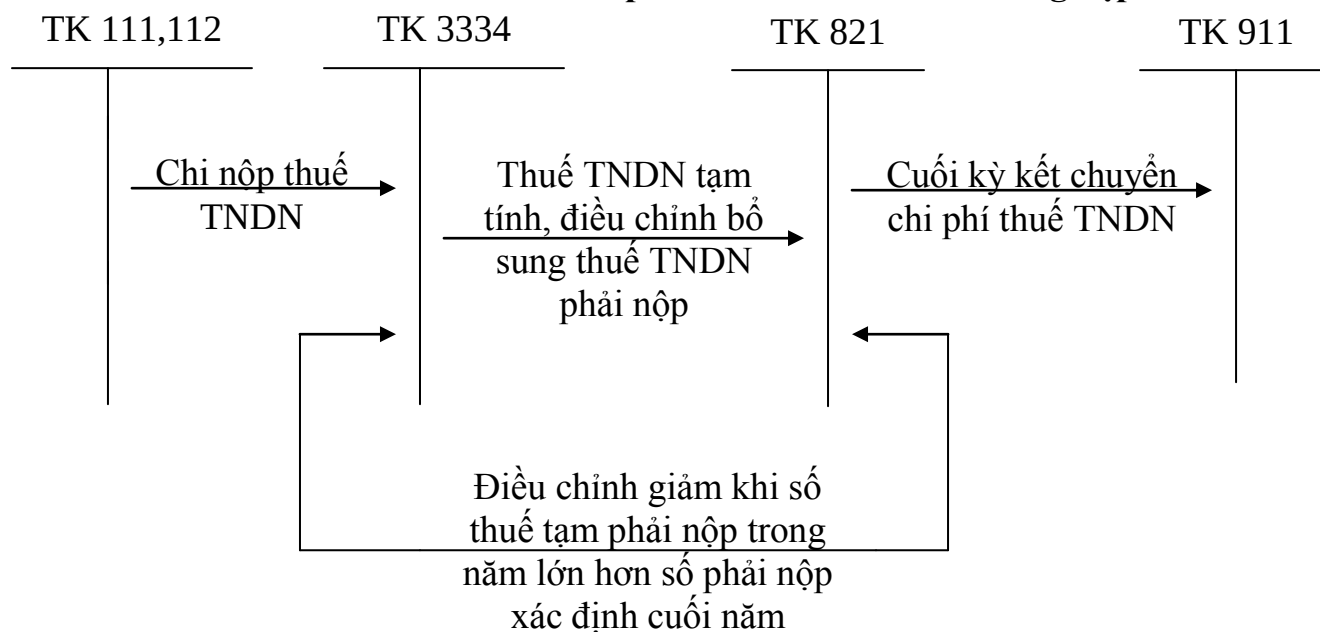
Bên có:

- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm;
- + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;
- + Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

❖ Trình tự kế toán:

Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.



1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng **tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

❖ **Nội dung kết cấu tài khoản 911.**

Bên nợ:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- + Chi phí quản lý kinh doanh;
- + Kết chuyển lãi;

Bên có:

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác
- + Kết chuyển lỗ;

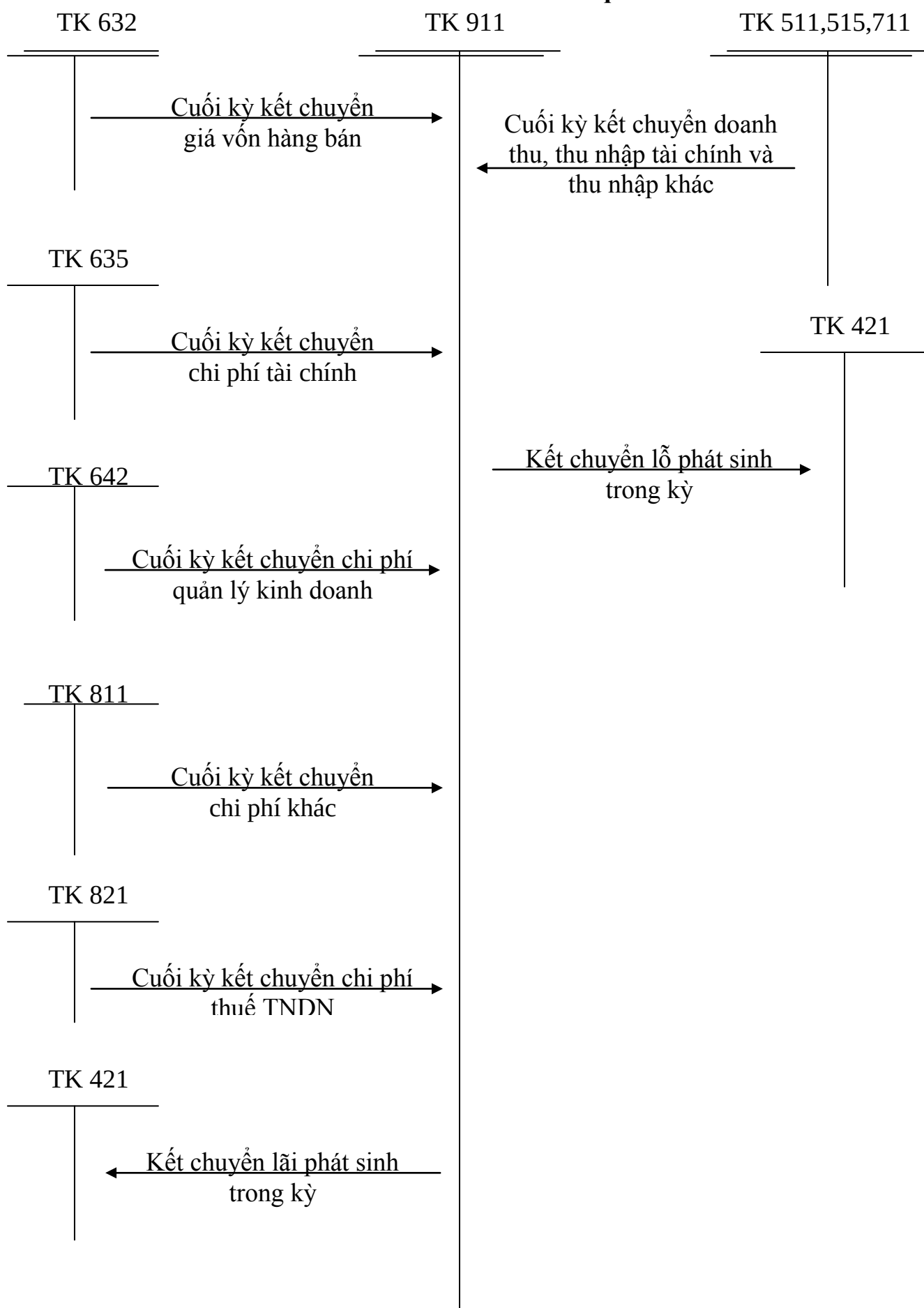
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác

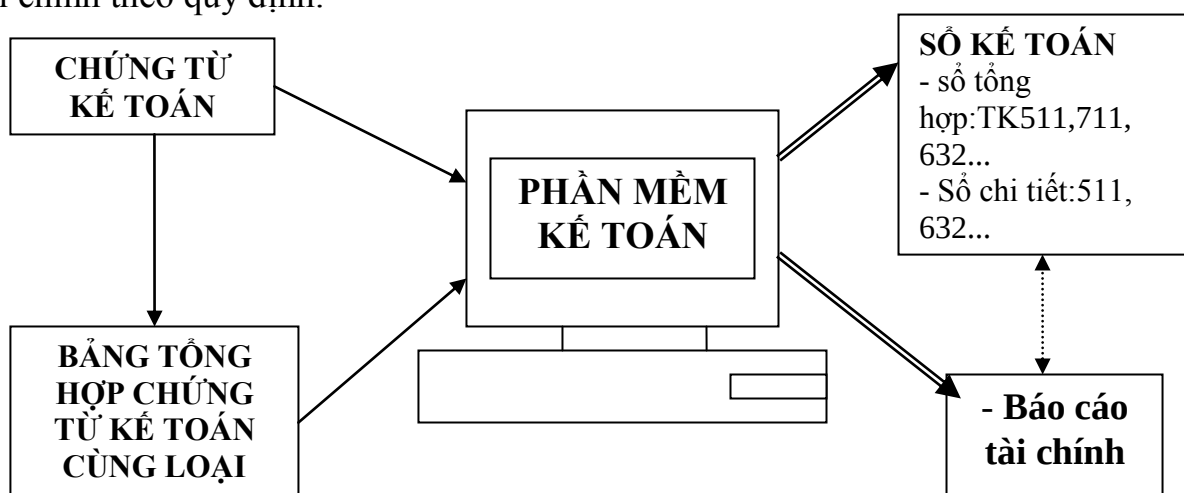
❖ **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.4. Đặc điểm tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong điều kiện kế toán máy:

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.10. Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

❖ Nguyên tắc chung khi áp dụng kế toán máy:

- Các công việc chỉ thực hiện một lần khi bắt đầu áp dụng kế toán máy:
- + Khai báo các thông tin chung về doanh nghiệp như: tên DN, địa chỉ, mã số thuế...
- + Xây dựng các danh mục cố định như: danh mục tài khoản, danh mục khách hàng, danh mục chứng từ,... Mỗi danh mục chứa một hoặc nhiều đối tượng cụ thể khác nhau như: tên người mua, tên hàng hóa, thành phẩm,...
- + Nhập số dư đầu kỳ cho các tài khoản công nợ, tài khoản hàng tồn kho và các tài khoản còn lại.
- Các công việc thực hiện hàng ngày trong kỳ:
 - + Thu thập chứng từ, xử lý chứng từ và nhập dữ liệu vào phần mềm
 - + Bổ sung thêm nội dung của các danh mục cố định (nếu cần)
- + Sao lưu dữ liệu để đề phòng sự cố máy tính
- Các công việc thực hiện cuối kỳ:
 - + Thực hiện các bút toán điều chỉnh, phân bổ, kết chuyển

+ In sổ sách, báo cáo kế toán.

+ Sao lưu dữ liệu và chuyển kỳ kế toán.

❖ **Mã hóa các đối tượng:**

Mã hóa các đối tượng là việc dùng các ký tự để đánh dấu đối tượng đã có trong các danh mục, tránh việc nhầm lẫn giữa các đối tượng khác nhau trong các danh mục khác nhau.

- Mã đã đặt phải là duy nhất trong danh mục đối tượng.

- Mã đã đặt nên dễ ghi nhớ để tiện việc tra cứu.

- Mã đã đặt nên có tính mở, tính mềm dẻo để tiện cho việc bổ sung các đối tượng tương tự.

- Các cách mã hóa:

+ Mã kiểu số: là việc chỉ dùng các chữ số 0, 1, 2,...9 để mã hóa các đối tượng

+ Mã kiểu ký tự: là việc dùng các chữ số, chữ cái và các ký tự khác để mã hóa.

+ Mã gọi nhớ: là mã có tính gọi nhớ đến tên của đối tượng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN.

2.1.Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quản lý sản xuất kinh doanh

2.1.1.Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của Công ty TNHH Tâm Chiến

❖ *Lịch sử hình thành của Công ty TNHH Tâm Chiến:*

Công ty TNHH Tâm Chiến được thành lập năm 2001 do ông Đặng Văn Tâm làm Giám đốc. Với quy mô là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, khi mới thành lập công ty hoạt động theo nội dung của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0202000474 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 08/11/2001 với nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng đi chuyên về sản xuất các loại dây, cáp điện mang thương hiệu TACHIKO.

Tên giao dịch: Công ty TNHH Tâm Chiến

Tên giao dịch tiếng anh: Tachiko company limited

Tên viết tắt: Tachiko.co.lt

Mã số thuế: 0200442083

Địa chỉ trụ sở chính: Số 150 Lê Lai – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.589.193

Email: tachiko152lelai@gmail.com

Vốn điều lệ ban đầu: 8.000.000.000đồng (tám tỷ đồng chẵn) với sự góp vốn của các thành viên:

- Đặng Thanh Tâm
- Phạm Bích Hoà
- Đặng Thị Tuyết
- Đặng Thị Hằng
- Đặng Văn Chiến
- Đặng Thanh Tú

Đến năm 2008 với mục tiêu đầu tư thêm về máy móc thiết bị, công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm công ty đã tăng vốn điều lệ lên là 12 tỷ đồng.

❖ **Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Tâm Chiến:**

Công ty hoạt động kinh doanh theo đúng lĩnh vực ngành nghề đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh của Công ty đã đăng ký bao gồm:

- Sản xuất dây và thiết bị dẫn
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hoá
- Vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ....

Hiện nay, công ty mới chỉ đi chuyên về sản xuất các loại dây, cáp điện mang thương hiệu TACHIKO. Công ty đang có chiến lược mở rộng thị trường, và có kế hoạch khai thác sang các lĩnh vực khác như: dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hoá; vận tải hàng hoá, hành khách đường bộ. Sau gần mười năm hoạt động công ty đã có uy tín và thị trường nhất định.

2.1.2.Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty:

2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm:

Công ty TNHH Tâm Chiến chuyên sản xuất dây, cáp điện mang thương hiệu TACHIKO với các dòng sản phẩm chính là: dây đôi mềm (VCmo), dây đơn mềm (VCm) và dây đơn cứng (VC).

- Dây đôi mềm VCmo được áp dụng theo tiêu chuẩn 2103-1994/SĐ-1995.
- Dây đơn mềm VCM và dây đơn cứng VC được áp dụng theo tiêu chuẩn 6610-3:2000.
- Dây đôi mềm VCmo, dây đơn mềm VCM và dây đơn cứng VC đều được cách điện bằng nhựa PVC, có điện áp làm việc từ 250V đến 600V, chủ yếu được dùng cho dân dụng, phục vụ cho các hệ thống điện của nhà, xưởng, văn phòng.
- Vậy nên đối tượng khách hàng chính của sản phẩm là các đại lý, công ty, nhà máy, và nhiều công trình xây dựng lớn.

- Tính năng nổi trội của dòng sản phẩm là tiết kiệm điện năng, an toàn khi sử dụng, và đặc biệt có khả năng chịu được nắng mưa, nhiệt độ cao, duy trì được tính ổn định lâu dài.

- Chữ in trên sản phẩm được thực hiện trên dây chuyền công nghệ, in phun tự động, in bánh lăn, chữ in rất rõ nét.

- Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, chất lượng đồng tốt, nguyên chất.

Sản phẩm mang thương hiệu TACHIKO được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, sản phẩm luôn có bao bì mẫu mã đẹp phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

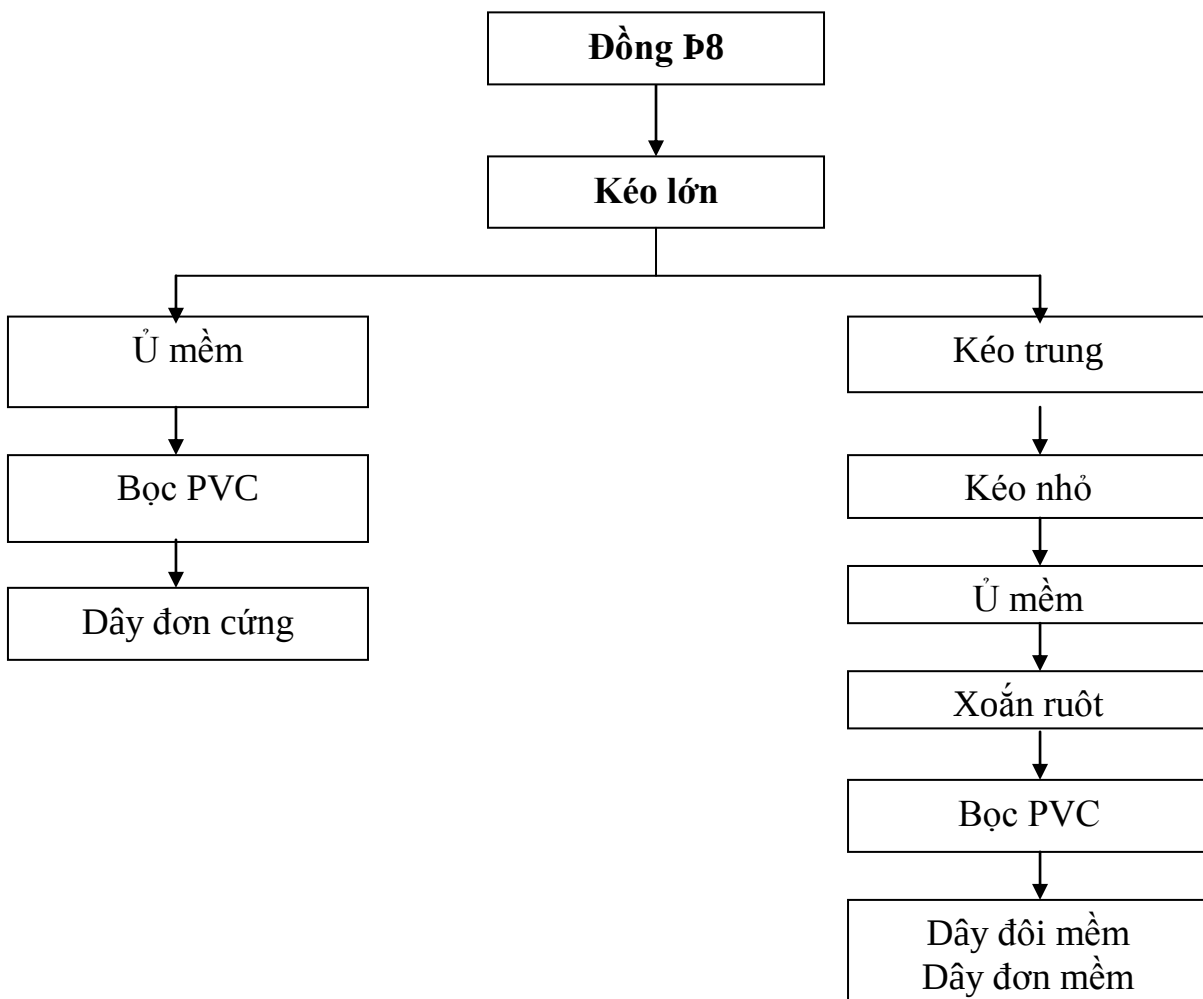
2.1.2.2. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm:

Dây truyền công nghệ được đưa vào sản xuất đều được nhập từ Đài Loan, mới 100%, có hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ.

- Tên gọi của sản phẩm: dây đôi mềm (VCmo), dây đơn mềm (VCm), dây đơn cứng (VC).

- Công nghệ sản xuất sản phẩm : Công nghệ sản xuất sản phẩm được tiến hành theo sơ đồ:

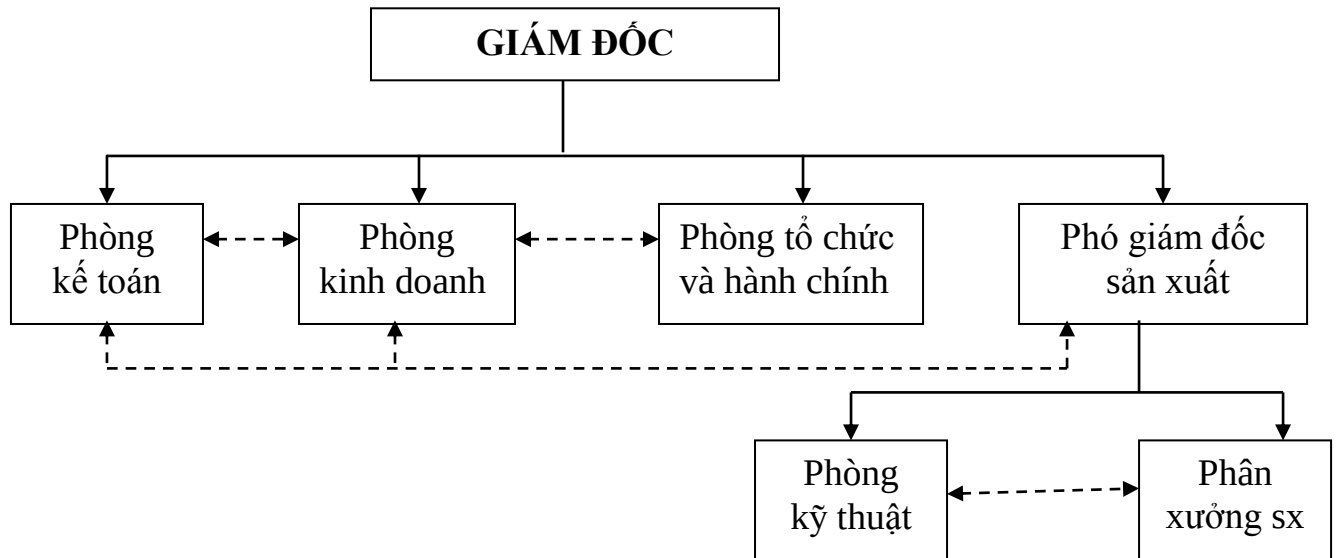
Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



2.1.2.3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty:

Công ty có bộ máy tổ chức quản lý tương đối gọn nhẹ gồm các phòng, ban, bộ phận có nhiệm vụ cụ thể nhưng vẫn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong quá trình quản lý và điều hành hoạt động.

Sơ đồ 2.2. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



Ghi chú: → Chịu sự quản lý trực tiếp

← - → Các bên có liên quan

Công ty TNHH Tâm Chiến là một đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân. Đứng đầu Công ty là giám đốc chỉ đạo trực tiếp xuống từng phòng ban. Giúp việc cho giám đốc là các phòng ban chức năng và các phòng nghiệp vụ.

Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc có quyền quyết định cho mọi chủ trương, biện pháp để thực hiện nhiệm vụ, làm chủ tài khoản và thực hiện các chế độ chính sách cho các CNV trong Công ty.

Phó giám đốc sản xuất : chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc của công ty về toàn bộ tình hình sản xuất của Công ty, chỉ đạo cho các phân xưởng sản xuất và phòng kỹ thuật để phối hợp nhịp nhàng đảm bảo quá trình sản xuất đúng theo kế hoạch đề ra.

Phòng kế toán: Thực hiện công tác hạch toán các chi phí sản xuất kinh doanh và lập báo cáo tài chính của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu về vốn, tình hình hiện có và sự biến động của các tài sản trong công ty.

Phòng kinh doanh: chức năng tham mưu cho giám đốc về những đơn đặt hàng, tìm kiếm khách hàng, tiến hành ký kết hợp đồng sản xuất, chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc.

Phòng tổ chức hành chính: có trách nhiệm quản lý toàn bộ nhân sự cho các bộ phận sản xuất của Công ty. Theo dõi thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ CNV trong công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc.

Phòng kỹ thuật: Có nhiệm vụ chuẩn bị, giám sát về kỹ thuật trong suốt quá trình sản xuất cho đến khâu nghiệm thu sản phẩm.

Phân xưởng sản xuất: tại đây tiếp nhận các đơn đặt hàng, sau đó tiến hành sản xuất sản phẩm và có kế hoạch điều chỉnh quá trình sản xuất cho phù hợp tiến độ giao hàng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy sản xuất của doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau, giữa các bộ phận trong phòng ban luôn có sự trao đổi thông tin, các công việc được xử lý nhanh và chặt chẽ từ cấp chỉ đạo đến bộ phận thực hiện.

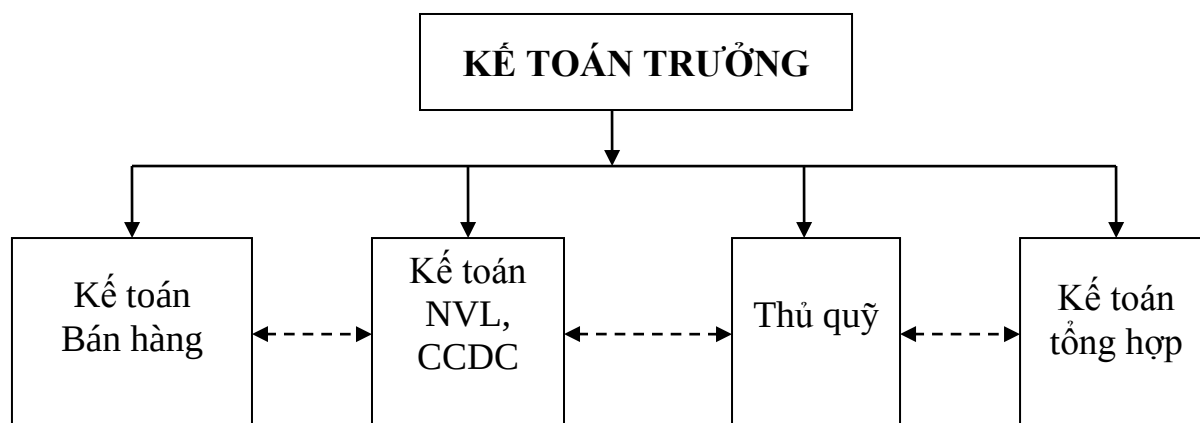
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

2.1.3.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong tổ chức công tác của doanh nghiệp. Căn cứ vào khối lượng công việc sản xuất kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, toàn bộ công việc xử lý và thông tin trong toàn công ty được thực hiện ở phòng Kế toán. Phòng Kế toán tiến hành các công việc như: kiểm tra, phân loại chứng từ, kế toán ghi sổ tổng hợp và chỉ tiêu lập báo cáo kế toán...

Hiện nay, phòng kế toán của Công ty gồm có 05 người, trong đó có một thủ quỹ, một kế toán trưởng, và ba kế toán viên.

Sơ đồ 2.3. Bộ máy kế toán của Công ty

**Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận:**

Kế toán trưởng: có nhiệm vụ điều hành, tổ chức công tác kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Công ty về hoạt động của các nhân viên kế toán, lập kế hoạch tài chính, định mức vốn lưu động, huy động các nguồn vốn, giám sát sử dụng vốn, tổ chức thanh toán, trích và sử dụng các loại quỹ trong Công ty hợp lý.

Kế toán tổng hợp: theo dõi hạch toán tổng hợp toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên cơ sở số tài liệu của các kế toán viên cung cấp. Sau đó tập hợp CPSX và tính giá thành của từng loại sản phẩm.

Kế toán NVL, CCDC: phản ánh tình hình nhập- xuất- tồn các NVL, CCDC ghi chép vào các sổ có liên quan. Tập hợp thông kê lập báo cáo tình hình NVL, CCDC định kỳ theo chế độ.

Kế toán bán hàng: có nhiệm vụ theo dõi quá trình nhập xuất kho thành phẩm và xác định chính xác các kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của Công ty. Hàng ngày căn cứ vào các phiếu thu, chi ... hợp lệ để xuất hoặc nhập quỹ, ghi sổ quỹ.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty:

Chế độ kế toán gồm: hệ thống tài khoản, chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo kế toán được áp dụng theo : Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ tài chính về “chế độ kế toán doanh nghiệp”.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ kế toán: mỗi kỳ kế toán tương đương với mĩ t năm.
- Đơn vị tiền tệ hạch toán: VNĐ - Việt Nam đồng.

- Phương pháp xác định giá nhập NVL, CCDC, TSCĐ theo giá gốc.
- Phương pháp xác định giá NVL, CCDC xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Sử dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
- Hệ thống tài khoản kế toán: Vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

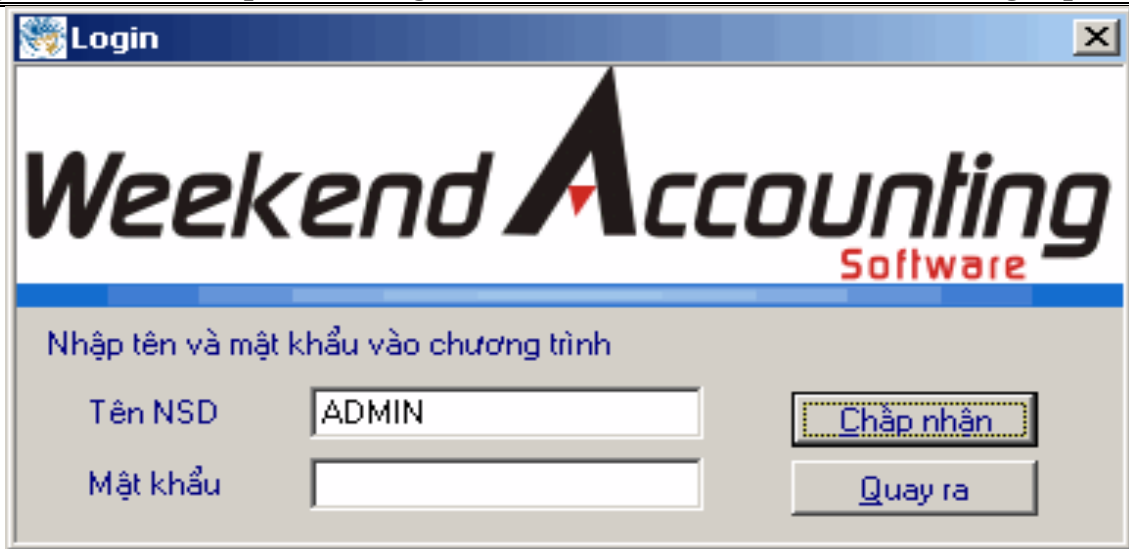
2.1.3.3. Hình thức sổ kế toán và trình tự ghi sổ:

❖ Hình thức kế toán tại Công ty:

Công ty TNHH Tâm Chiến là đơn vị hạch toán độc lập, hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán WEEKEND. Phần mềm kế toán này được thiết kế theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Phần mềm kế toán này được công ty mua bản quyền và đưa vào sử dụng bắt đầu từ năm 2010. Đặc điểm của hình thức chứng từ ghi sổ thực hiện trên máy vi tính là các hoạt động kinh tế tài chính đã được phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để nhập vào máy. Sau khi nhập chứng từ vào máy, phần mềm kế toán trên máy sẽ xử lý số liệu để lên các sổ sách kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.

Dưới đây là hình ảnh giao diện chính của phần mềm kế toán máy WEEKEND. Phần mềm kế toán máy này được Công ty mua bản quyền và đưa vào sử dụng bắt đầu từ năm 2010.



Ưu điểm của phần mềm WEEKEND:

- Phần mềm kế toán WEEKEND® 3.0 được viết theo 3 chế độ hoạch toán kế toán : Dành cho doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài. Nên doanh nghiệp có thể dễ dàng áp dụng đúng với loại hình doanh nghiệp mình.
- Phần mềm chia thành các modul tương ứng các phân hệ kế toán rõ ràng, rất tiện lợi cho doanh nghiệp chia, phân quyền, giao việc cho từng kế toán với từng nhiệm vụ cụ thể.
- Phần mềm sử dụng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server, dữ liệu được bảo mật tuyệt đối theo hệ thống phân quyền của hệ điều hành. Khắc phục được lỗi xóa do cố ý, mất dữ liệu do người sử dụng trước đây khi dùng cơ sở dữ liệu VFP như đa phần các công ty phần mềm ở Việt Nam đang sử dụng.
- Phần mềm có khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, tốc độ truy xuất dữ liệu nhanh.
- Chức năng Tổng hợp – Chi tiết : cho phép nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chi tiết theo từng danh mục khai báo, sau đó lên sổ sách chi tiết, tổng hợp.
- Phần mềm cho phép tính giá thành chi tiết cho từng sản phẩm, từng nhóm sản phẩm theo nhiều phương pháp tính giá thành và từng công đoạn khác nhau. Hỗ trợ quản lý vật tư với số lượng lớn.
- Theo dõi lịch sử chứng từ, biết được ai tạo chứng từ, ai sửa chứng từ và sửa những nội dung gì, ai là người xóa chứng từ.
- Tuân thủ các quy định về chế độ kế toán. Có đầy đủ các phân hệ kế toán phù hợp với các phân hành kế toán trong doanh nghiệp. Chạy trên mạng nhiều người

dùng, bảo mật và phân quyền chi tiết từng chức năng trên phần mềm đến từng người sử dụng.

- Phần mềm là một hệ thống mở: Mềm dẻo, linh hoạt để có thể điều chỉnh không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại của doanh nghiệp mà còn sẵn sàng cho các yêu cầu của sự phát triển trong tương lai và sự thay đổi khách quan của chính sách, chế độ tài chính của Nhà Nước. Chương trình được thiết kế mở để dễ dàng bổ sung, hiệu chỉnh các chức năng cho phù hợp.

Nhược điểm của phần mềm WEEKEND:

- Cách sử dụng phức tạp, nhiều quy trình hạch toán nhiều công đoạn.
- Hình thức sổ chi tiết chưa thể hiện được hết các nội dung của chứng từ, chưa đúng chuẩn mực kế toán quy định.
- Công đoạn tính giá thành phức tạp, gây khó khăn trong việc tính giá thành của từng loại sản phẩm của Công ty.
- Tuy được thiết kế theo hình thức chứng từ ghi sổ nhưng công việc nhập liệu vào máy để in ra chứng từ ghi sổ còn phức tạp, gây khó khăn cho kế toán trong việc thực hiện đúng trình tự kế toán ghi sổ bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

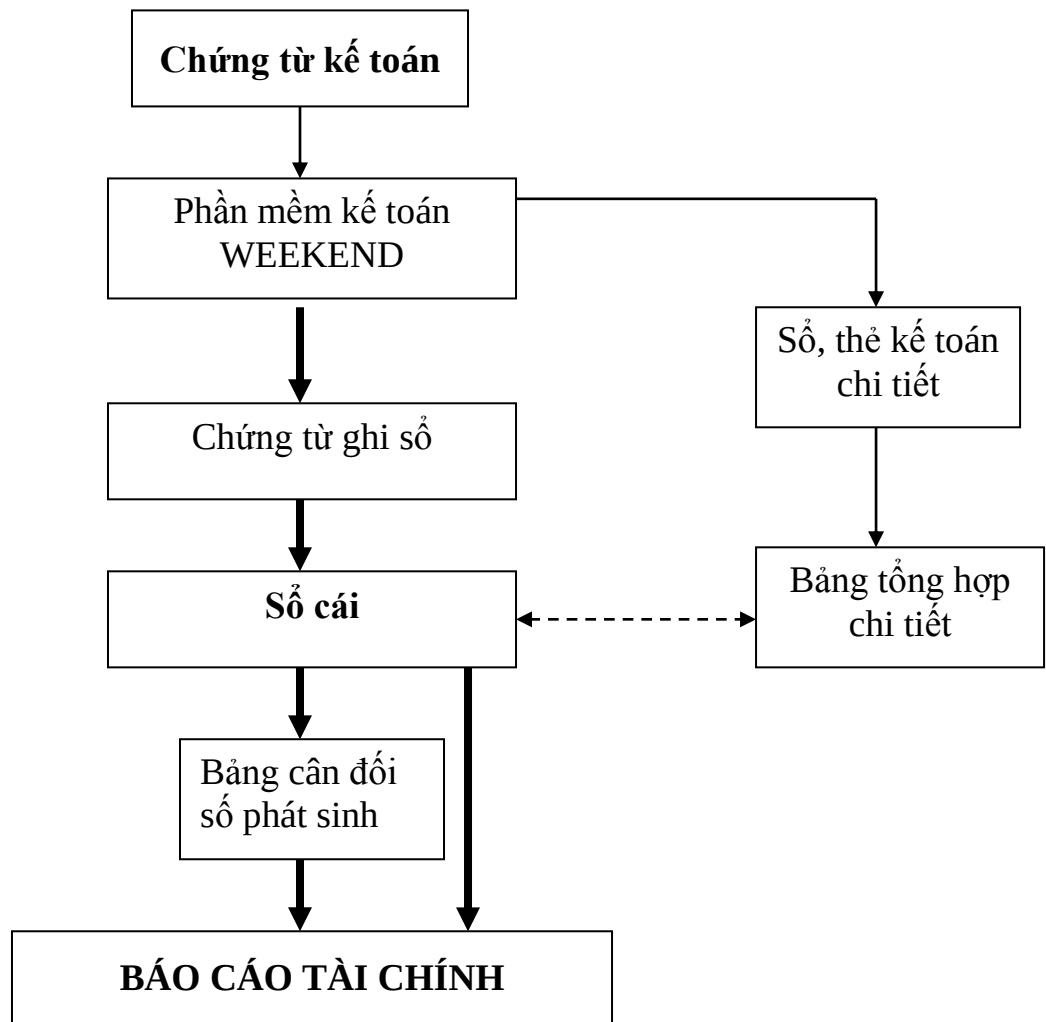
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán, tiến hành phân loại chứng từ để tiến hành nhập số liệu vào phần mềm theo đúng phân hệ của phần mềm.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin sẽ được tự động nhập vào sổ, thẻ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ, lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

Cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ được thực hiện trên máy vi tính bằng phần mềm WEEKEND

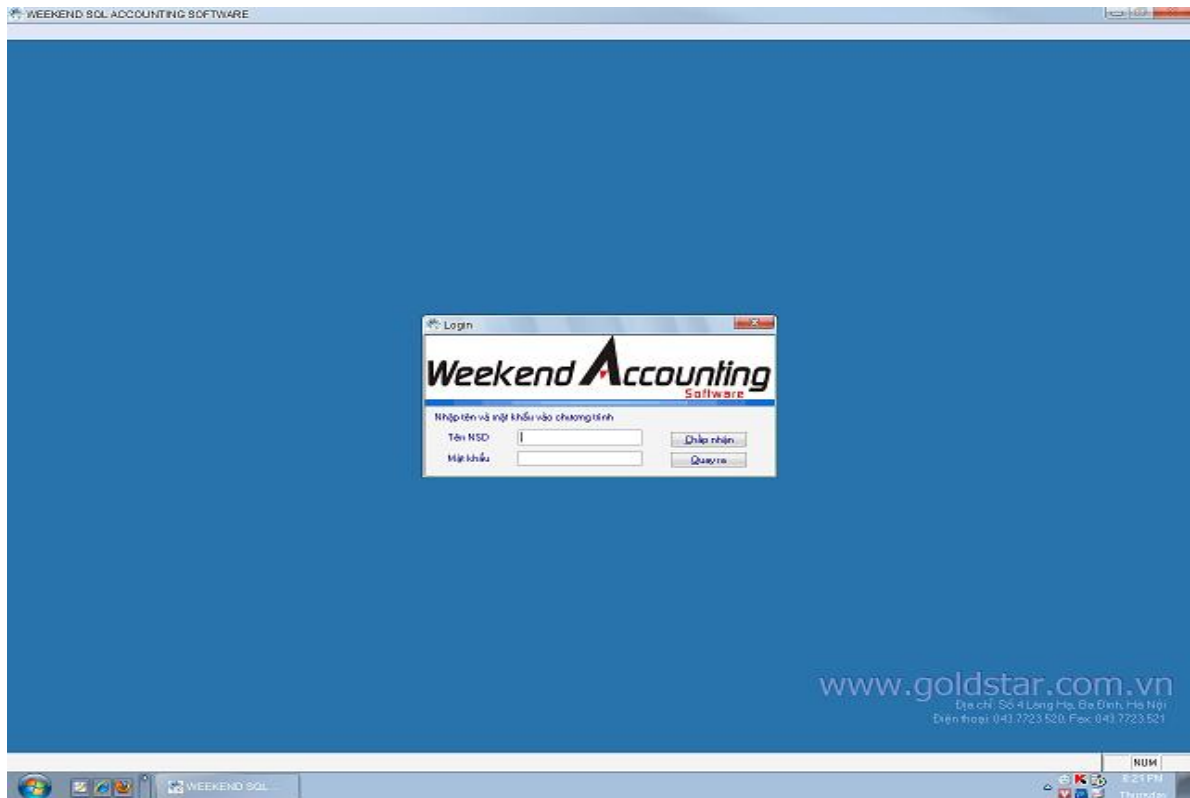


Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- Nhập số liệu cuối tháng, cuối năm.
- ←- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

❖ Cách thức sử dụng phần mềm kế toán WEEKEND áp dụng tại Công ty:

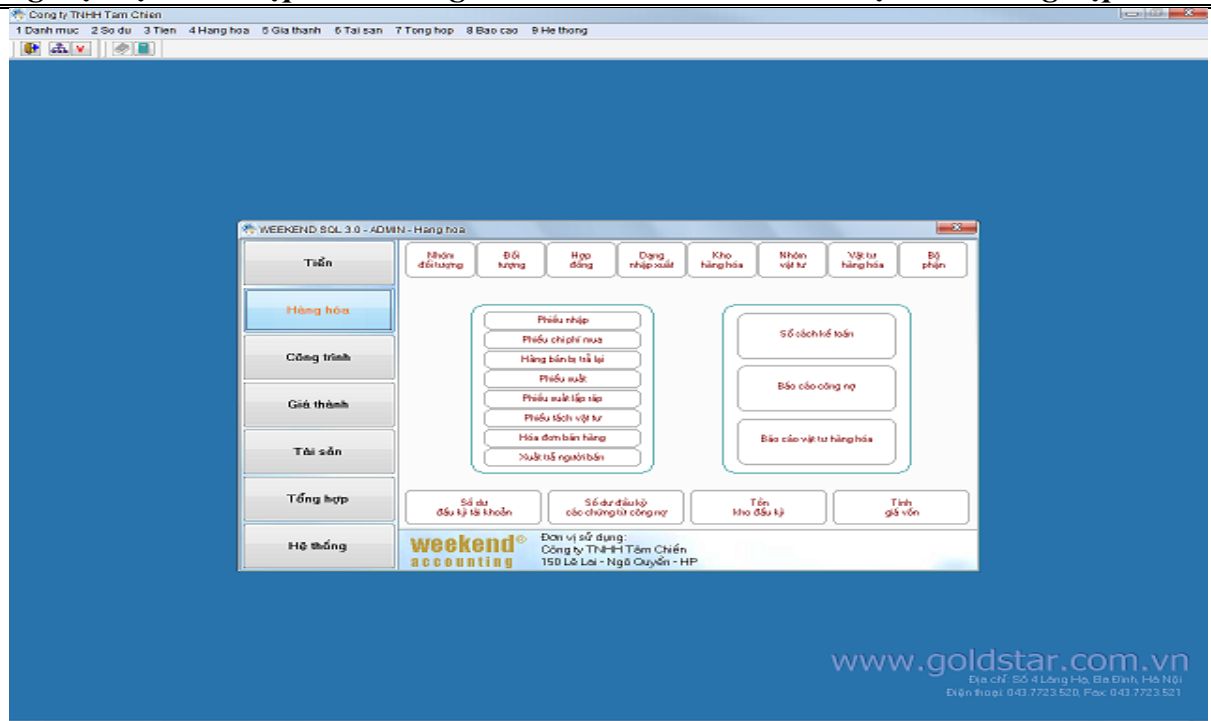
- Đầu tiên phải đăng nhập vào hệ thống phần mềm:



Màn hình 1: Màn hình đăng nhập

Khi xuất hiện màn hình đăng nhập, ta sẽ tiến hành nhập tên người sử dụng vào ô “Tên NSD”, và nhập mật khẩu vào ô “Mật khẩu” → “Chấp nhận”.

Sau khi đăng nhập thành công, sẽ xuất hiện màn hình làm việc của hệ thống:



Màn hình 2: Màn hình làm việc

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

❖ Phương thức tiêu thụ sản phẩm:

- Phương thức bán lẻ: Công ty có cửa hàng, và các hoạt động bán hàng cho khách lẻ thường diễn ra tại cửa hàng của Công ty, khách hàng mua với số lượng ít và thông thường đó là những khách hàng vắng lai.

- Phương thức bán buôn: Với phương thức này Công ty thường giao trực tiếp cho các đại lý - những khách hàng quen thuộc của Công ty.

❖ Phương thức thanh toán:

- Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

- Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty thường xuyên theo dõi tình hình kinh doanh của đơn vị xin chậm trả.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm thu, giấy báo có, séc thanh toán; ...
- Các chứng từ liên quan khác

❖ *Các tài khoản sử dụng:*

- **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: tài khoản này dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của công ty

- TK 511 được mở chi tiết thành tài khoản cấp 2:

+ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm – phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của Công ty.

Thành phẩm của Công ty chủ yếu là các loại cáp điện, dây điện. Dây cáp điện gồm các tiết diện khác nhau; dây điện gồm: dây bọc PVC, dây cứng, dây mềm và mỗi loại dây bao gồm các tiết diện khác nhau; và dây súp. Ngoài ra, Công ty còn có Bán thành phẩm là “Keo”

TK 155: Thành phẩm.

- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước.
 - + TK 3331: Thuế GTGT phải nộp. Tài khoản này được chi tiết thành TK 33311: Thuế GTGT đầu ra.
- TK 131: Phải thu của khách hàng.
- TK 111: Tiền mặt . Tài khoản này được chi tiết thành TK 1111 – Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng. Tài khoản này được chi tiết thành các tài khoản
 - + TK 1121: Tiền Việt Nam. Trong đó:
 - TK 11211: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam.
 - TK 11212: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VIBank.
 - TK 11213: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VPBank.

❖ *Danh mục thành phẩm:*

- Cách mã hóa thành phẩm : Kế toán đặt mã thành phẩm theo 6 nhóm thành phẩm để quản lý là: Nhóm thành phẩm các loại dây cáp được mã hóa là “CAP”; Nhóm thành phẩm là các loại dây bọc cao su được mã hóa là “DB”; Nhóm thành phẩm là các loại dây cứng được mã hóa là “DC”; Nhóm thành phẩm là các loại dây mềm được mã hóa là “DM”; Nhóm thành phẩm là các loại dây sút được mã hóa là “DS”. Ngoài các thành phẩm, Công ty còn có bán thành phẩm là Keo.

Sau khi được mã hóa theo từng nhóm thành phẩm, thì các thành phẩm lại được mã hóa chi tiết theo từng sản phẩm trong một nhóm.

Bảng 2.2. Nhóm thành phẩm “CAP”

Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Loại Vt	Mã nhóm
AC35	Dây nhôm AC35	m	SP	CAP
AV16	Dây nhôm Av16	m	SP	CAP
AV50	Dây nhôm AV50	m	SP	CAP
C10	Dây cáp 3*10+1*6	m	SP	CAP
C10CC	Dây cáp 3*10+1*6 CC	m	SP	CAP
C10L2	Dây cáp 3*10+1*6 loại 2	m	SP	CAP
C11	Dây cáp đồng trần C11	m	SP	CAP
C125	Dây cáp 1*25	m	SP	CAP
C16	Dây cáp 3*16+1*10	m	SP	CAP
C16L2	Dây cáp 3*16+1*10 L2	m	SP	CAP
C216	Dây cáp 2*16	m	SP	CAP
C216L2	Dây cáp 2*16 L2	m	SP	CAP
C225	Dây cáp 2*2.5	m	SP	CAP
C25	Dây cáp 3*25+1*16	m	SP	CAP
C25L2	Dây cáp 3*25+1*16 L2	m	SP	CAP
C31	Dây cáp 3*2.5+1*4	m	SP	CAP
C315	Dây cáp 3*1.5	m	SP	CAP
C31T	Dây cáp 3*2.5+1*4 T	m	SP	CAP
C325	Dây cáp 3*2.5	m	SP	CAP
C34	Dây cáp 3*4+1*2.5	m	SP	CAP
C34CC	Dây cáp 3*4+1*2.5 cc	m	SP	CAP
C34T	Dây cáp 3*4+1*2.5 T	m	SP	CAP
C35	Dây cáp 3*35+1*16	m	SP	CAP
C36	Dây cáp 3*6+1*2.5	m	SP	CAP
C36T	Dây cáp 3*6+1*2.5 T	m	SP	CAP
C50	Dây cáp 3*50+1*25	m	SP	CAP
CAP215	Dây cáp đồng 2*1.5	m	SP	CAP
CAP225	Dây cáp đồng 2*2.5	m	SP	CAP
CAP24CC	Dây cáp đồng 2*4 cao cấp	m	SP	CAP
CAP24L1	Dây cáp đồng 2*4 L1	m	SP	CAP
CAP25	Dây cáp 2*25	m	SP	CAP
CAP26L2	Dây cáp đồng 2*6 L2	m	SP	CAP
CAP3	Dây cáp 3*4	m	SP	CAP
CAP310	Dây cáp 3*10	m	SP	CAP
CAP6	Dây cáp 3*6	m	SP	CAP

CD10	Cáp đồng 2*10	m	SP	CAP
CD6DB	Cáp đồng 2*6 ĐB	m	SP	CAP
CD6L1	Cáp đồng 2*6 loại 1	m	SP	CAP
CM16	Dây cáp M16	m	SP	CAP
CT7	Dây cáp tim 2*7	m	SP	CAP
M10	Dây cáp M10	m	SP	CAP
M10T	Cáp đồng trần M10 L2	m	SP	CAP
M16L1	Cáp đồng trần M16 L1	m	SP	CAP
M25	Dây cáp M25	m	SP	CAP
M35	Dây cáp 1*35	m	SP	CAP
N10	Dây nhôm 10	m	SP	CAP
N35	Dây nhôm 1*35	m	SP	CAP
NDB	Dây nhôm DB	m	SP	CAP

Bảng 2.3. Nhóm thành phẩm “DB”

Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Loại Vt	Mã nhóm
B04	Dây bọc 2*0.4	m	SP	DB
B05	Dây bọc 2*0.5	m	SP	DB
B05HD	Dây bọc 2*0.5 HD	m	SP	DB
B075DB	Dây bọc 2*0.75 ĐB	m	SP	DB
B075L1	Dây bọc 2*0.75 loại 1	m	SP	DB
B075L2	Dây bọc 2*0.75 loại 2	m	SP	DB
B075L3	Dây bọc 2*0.75 loại 3	m	SP	DB
B10L2	Dây bọc 2*10 loại 2	m	SP	DB
B10L3	Dây bọc 2*10 loại 3	m	SP	DB
B15DB	Dây bọc 2*1.5 ĐB	m	SP	DB
B15L1	Dây bọc 2*1.5 loại 1	m	SP	DB
B15L2	Dây bọc 2*1.5 loại 2	m	SP	DB
B15L3	Dây bọc 2*1.5 loại 3	m	SP	DB
B25DB	Dây bọc 2*2.5 ĐB	m	SP	DB
B25L1	Dây bọc 2*2.5 loại 1	m	SP	DB
B25L2	Dây bọc 2*2.5 loại 2	m	SP	DB
B25L3	Dây bọc 2*2.5 loại 3	m	SP	DB
B25L4	Dây bọc 2*2.5 loại 4	m	SP	DB
B403	Dây bọc 4*0.3	m	SP	DB

B4DB	Dây bọc 2*4 ĐB	m	SP	DB
B4L1	Dây bọc 2*4 loại 1	m	SP	DB
B4L2	Dây bọc 2*4 loại 2	m	SP	DB
B4L3	Dây bọc 2*4 loại 3	m	SP	DB
B4L4	Dây bọc 2*4 loại 4	m	SP	DB
B4L5	Dây bọc 2*4 loại 5	m	SP	DB
B6DB	Dây bọc 2*6 ĐB	m	SP	DB
B6L1	Dây bọc 2*6 loại 1	m	SP	DB
B6L2	Dây bọc 2*6 loại 2	m	SP	DB
B6L3	Dây bọc 2*6 loại 3	m	SP	DB
B6L4	Dây bọc 2*6 loại 4	m	SP	DB
BD	Dây bọc đen	m	SP	DB
D075	Dây dệt 3*0.75	m	SP	DB

Bảng 2.4. Nhóm thành phẩm “DC”

Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Loại Vt	Mã nhóm
C15DB	Dây cứng 1*1.5 ĐB	m	SP	DC
C15L1	Dây cứng 1*1.5 loại 1	m	SP	DC
C2	Dây cứng 1*2	m	SP	DC
C25DB	Dây cứng 1*2.5 ĐB	m	SP	DC
C25L1	Dây cứng 1*2.5 loại 1	m	SP	DC
C25L3	Dây cứng 1*2.5 loại 3	m	SP	DC
C32DB	Dây cứng 1*3.2 ĐB	m	SP	DC
C32L2	Dây cứng 1*3.2 loại 2	m	SP	DC
C4L2	Dây cứng 1*4 loại 2	m	SP	DC
C4L3	Dây cứng 1*4 loại 3	m	SP	DC
C6DB	Dây cứng 1*6 ĐB	m	SP	DC
C6L1	Dây cứng 1*6 loại 1	m	SP	DC
C6L2	Dây cứng 1*6 loại 2	m	SP	DC
C6L5	Dây cứng 1*6 loại 5	m	SP	DC

Bảng 2.5. Nhóm thành phẩm “DM”

Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Loại Vt	Mã nhóm
M035	Dây mềm 1*0.35	m	SP	DM
M05DB	Dây mềm 1*0.5 ĐB	m	SP	DM
M075DB	Dây mềm 1*0.75 ĐB	m	SP	DM
M075L1	Dây mềm 1*0.75 loại 1	m	SP	DM
M15DB	Dây mềm 1*1.5 ĐB	m	SP	DM
M15HD	Dây mềm 1*1.5 HD	m	SP	DM
M15L1	Dây mềm 1*1.5 loại 1	m	SP	DM
M15L2	Dây mềm 1*1.5 loại 2	m	SP	DM
M15L3	Dây mềm 1*1.5 loại 3	m	SP	DM
M25DB	Dây mềm 1*2.5 ĐB	m	SP	DM
M25HD	Dây mềm 1*2.5 HD	m	SP	DM
M25L1	Dây mềm 1*2.5 loại 1	m	SP	DM
M25L2	Dây mềm 1*2.5 loại 2	m	SP	DM
M25L3	Dây mềm 1*2.5 L3	m	SP	DM
M25L4	Dây mềm 1*2.5 loại 4	m	SP	DM
M3	Dây mềm 1*3	m	SP	DM
M4DB	Dây mềm 1*4 ĐB	m	SP	DM

M4L1	Dây mềm 1*4 loại 1	m	SP	DM
M4L2	Dây mềm 1*4 loại 2	m	SP	DM
M6DB	Dây mềm 1*6 ĐB	m	SP	DM
M6L1	Dây mềm 1*6 loại 1	m	SP	DM
M6L2	Dây mềm 1*6 loại 2	m	SP	DM

Bảng 2.6. Nhóm thành phẩm “DS”

Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Loại Vt	Mã nhóm
S075DB	Dây súp 2*0.75 ĐB	m	SP	DS
S075L1	Dây súp 2*0.75 loại 1	m	SP	DS
S075L2	Dây súp 2*0.75 loại 2	m	SP	DS
S075L4	Dây súp 2*0.75 loại 4	m	SP	DS
S15DB	Dây súp 2*1.5 ĐB	m	SP	DS
S15L1	Dây súp 2*1.5 loại 1	m	SP	DS
S1L1	Dây súp 2*1 loại 1	m	SP	DS
S1L2	Dây súp 2*1 loại 2	m	SP	DS

❖ *Cách hạch toán doanh thu thành phẩm áp dụng tại Công ty:*

Ví dụ: Ngày 09/05/2010, bán cho công ty TNHH thương mại xây dựng và dịch vụ An Phát 100 m dây điện 2x2,5 ĐB, đơn giá bán 9.152 đ/m và 400m dây điện 2x2,5 loại 1, đơn giá bán 8.472 đ/m, thuế suất thuế GTGT 10%. Bán hàng thu bằng tiền mặt. Tổng tiền thu được là: 4.734.400 đ.

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành ghi nhận nghiệp vụ bán hàng này trên hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT gồm 3 liên:

- Liên 1: dùng để lưu gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3: nội bộ - dùng để làm căn cứ ghi sổ sách kế toán, và lưu cùng chứng từ, sổ sách liên quan.

Hóa đơn GTGT được đặt giấy than cả ba liên, và chỉ được viết một một lần trên một tờ hóa đơn khi có một nghiệp vụ mua hàng phát sinh cho một khách hàng.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RS/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0006187		
Ngày 09 tháng 05 năm 2010					
Đơn vị bán hàng : Địa chỉ : Số tài khoản : Điện thoại:.....MS:					
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty TNHH TM XD và DV An Phát Địa chỉ : Lam Sơn – Hải Phòng..... Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM MS:					
CTY TNHH TÂM CHIẾN TACHIKO 150 LÊ LAI – HẢI PHÒNG MST: 0200442083					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Dây điện 2x2,5 ĐB	m	100	9.152	915.200
2.	Dây điện 2x2,5 L1	m	400	8.472	3.388.800
Cộng tiền hàng:					4.304.000
Thuế suất thuế GTGT:.....10%... Tiền thuế GTGT:					430.400
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.734.400
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu, bảy trăm ba tư nghìn, bốn trăm đồng chẵn ./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn số 06187, kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 4.734.400

Có TK 5112 : 4.304.000

Coa TK 33311 : 430.400

Và tiến hành nhập liệu vào phần mềm như sau:

➤ Vào màn hình làm việc của phần mềm



➤ Vào phân hành “Hàng hóa” chọn phân hệ “Hóa đơn bán hàng”



- Khi màn hình nhập liệu của “Hóa đơn bán hàng” xuất hiện, kế toán sẽ tiến hành nhập liệu chi tiết theo hóa đơn:

SUA CHUNG TU

Ngày: 09/05/2010 Số: 06187 Mã tệ: VND 1.00
 Hợp đồng: Người lập: ADMIN
 Đối tượng: AP Công ty TNHH TMXD & DV An Phát Tình trạng: Tổng hợp
 Ông bà: Công ty TNHH TMXD & DV An Phát Địa chỉ: Lam Sơn - HP
 Diễn giải (VN): Bán hàng thu TM
 Bộ phận:
 Mã nhập xuất: 111B Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt
 Tài khoản nợ: 1111 Tiền mặt

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%Ck	F4
B25DB	Dây bọc 2*2.5 ĐB	m	5112	CT	100.00	9 152.00	915 200.00		C
B25L1	Dây bọc 2*2.5 loại 1	m	5112	CT	400.00	8 472.00	3 388 800.00		C

Hạn thanh toán: 0 Loại chiết khấu: 1 Tiền chiết khấu: 0.00 Tiền hàng: 4 304 000.00
 Thuế GTGT (%): 10 Giá có thuế: K Tiền thuế GTGT: 430 400.00 Tiền thuế TTĐB: 0
 Tk nợ VAT: 1111 Tk có: 33311 Tiền mặt: 0.00 Tổng tiền: 4 734 400.00

Chấp nhận Hủy bỏ

- Đầu tiên, nhập ngày ghi trên hóa đơn, số hóa đơn, đối tượng chính là tên khách hàng trên hóa đơn.
- Mã nhập xuất chính là mã để theo dõi các khoản bán hàng. Trong đó:
 - + 111B - Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt.
 - + 112B – Bán hàng qua ngân hàng
 - + 131 – Bán hàng công nợ
 - + 141 – Tạm ứng

SUA CHUNG TU

Ngày: 111B Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt Mã tệ: VND 1.00
 Hợp đồng: 112B Bán hàng thanh toán qua ngân hàng Người lập: ADMIN
 Đối tượng: 131 Bán hàng công nợ Tình trạng: Tổng hợp
 Ông bà: 141 Tạm ứng Địa chỉ: Lam Sơn - HP
 Diễn giải (VN):
 Bộ phận:
 Mã nhập xuất:
 Tài khoản nợ:

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%Ck	F4
B25DB	Dây bọc 2*2.5 ĐB	m	5112	CT	100.00	9 152.00	915 200.00		C
B25L1	Dây bọc 2*2.5 loại 1	m	5112	CT	400.00	8 472.00	3 388 800.00		C

Hạn thanh toán: 0 Loại chiết khấu: 1 Tiền chiết khấu: 0.00 Tiền hàng: 4 304 000.00
 Thuế GTGT (%): 10 Giá có thuế: K Tiền thuế GTGT: 430 400.00 Tiền thuế TTĐB: 0
 Tk nợ VAT: 1111 Tk có: 33311 Tiền mặt: 0.00 Tổng tiền: 4 734 400.00

Chấp nhận Hủy bỏ

- Tài khoản nợ sẽ tự nhảy theo việc đặt mã nhập xuất.
 - + Nếu mã nhập xuất là 111B thì tương ứng với tài khoản nợ là 1111
 - + Nếu mã nhập xuất là 112B thì tương ứng với tài khoản nợ là 1121
 - + Nếu mã nhập xuất là 131 thì tương ứng với tài khoản nợ là 131
- Sau đó, chọn mã thành phẩm đã bán theo hóa đơn.

SUA CHUNG TU

06187

Mã tiền tệ: VND 1.00

Người lập: ADMIN

Tình trạng: Tổng hợp

Đơn vị: Công ty TNHH TMXD & DV An Phát

Địa chỉ: Lam Sơn - HP

án hàng thanh toán bằng tiền mặt

Đvt	Tk có	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%Ck F4
m	5112	CT	100.00	9 152.00	915 200.00	C
m	5112	CT	400.00	8 472.00	3 388 800.00	C

Hạn thanh toán: 0

Thuế GTGT (%): 10

Tk nợ VAT: 1111

Loại chiết khấu: 1

Giá có thuế: K

Tk có: 33311

Tiền chiết khấu: 0.00

Tiền thuế GTGT: 430 400.00

Tiền mặt: 0.00

Tiền hàng: 4 304 000.00

Tiền thuế TTĐB: 0

Tổng tiền: 4 734 400.00

Chấp nhận Hủy bỏ

B25L1 - Dây bọc 2*2.5 loại 1 || Tồn tại kho: CT - Kho Cty || 910.00 m

- Sau đó, kế toán sẽ chọn tài khoản có là TK 5112, số lượng, đơn giá như trên hóa đơn.

- Cột F4: + Nếu chọn C – chương trình tự cập nhật giá vốn
- + Nếu chọn K – tự áp giá vốn

Khi nhập xong hóa đơn GTGT số 06187, phần mềm sẽ tự động chạy sổ chi tiết của các tài khoản liên quan: SCT 511, SCT 1111, SCT 3331, SCT 155, SCT 632.

Cuối tháng, kế toán sẽ thực hiện làm chứng từ ghi sổ, phần mềm sẽ tự động lên chứng từ ghi sổ và các sổ cái liên quan.

➤ Khi nhập liệu xong hóa đơn GTGT, kế toán sẽ in phiếu thu để kẹp cùng chứng từ kế toán. Kế toán phải cập nhật phần thu bằng tiền mặt tại phần hành “Tiền” của phần mềm.

- Cập nhật số liệu theo hóa đơn GTGT số 06187 (biểu mẫu 2.1), vào màn hình làm việc của phần mềm, sau đó chọn phần hàng “Tiền” chọn phân hệ “Phiếu thu”

WEEKEND SQL 3.0 - ADMIN - Tien

Tiền

Hàng hóa

Công trình

Giá thành

Tài sản

Tổng hợp

Hệ thống

Nhóm đối tượng

Đối tượng

Sản phẩm

Hợp đồng

Khoản mục phí

Bộ phận

Phiếu thu

Phiếu chi

Báo có

Báo nợ

Sổ sách kế toán

Báo cáo công nợ

Số dư đầu kỳ tài khoản

Số dư đầu kỳ các chứng từ công nợ

weekend[®] accounting Đơn vị sử dụng:
Công ty TNHH Tâm Chiến
150 Lê Lai - Ngô Quyền - HP

➤ Màn hình nhập liệu của phân hệ “Phiếu thu”

PHIEU THU TIEN MAT: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^F3-Mau bc, ^F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

Ngày	Số	Tiền	i
06/05	031	2 871 000.00	
07/05	032	157 600 000.00	
09/05	033	4 734 400.00	
12/05	034	1 760 000.00	
22/05	035	19 926 720.00	
22/05	036	19 899 000.00	
24/05	037	2 970 000.00	
25/05	038	3 520 000.00	
26/05	039	13 156 550.00	
26/05	040	9 460 000.00	
27/05	041	16 170 000.00	

Ngày: 09/05/2010 Số: 033 Mã tệ: VND 1.00

Bộ phận: Người lập: ADMIN

Đối tượng: AP Công ty TNHH TMXD & DV An Phát Tình trạng: Tổng hợp

Ông bà: Công ty TNHH TMXD & DV An Phát Địa chỉ: Lam Sơn - HP

Diễn giải (VN): Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	1111	4 734 400.00	4 734 400				Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt
C	5111	4 304 000.00	4 304 000				Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt
C	33311	430 400.00	430 400				Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt

Chi phí không hợp lệ: 0

Doanh thu chưa hạch toán: 0

Kèm theo: chứng từ gốc

Công nợ VAT Phát sinh nợ: 4 734 400.00 Phát sinh có: 4 734 400.00

Thêm Sửa Xóa Xem phiếu In phiếu Lưu Hủy Lọc Quay ra

- Ngày chính là ngày trên hóa đơn GTGT, số thì phần mềm tự nhảy theo thứ tự nhập liệu ngày tháng phát sinh để in phiếu thu một cách liên tục.
- Nhấn tổ hợp phím Ctrl+F7 hoặc có thể kích “Xem phiếu” để xem phiếu thu. Sau đó, nhấn phím F7 để in phiếu thu.

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN**
Địa chỉ: **150 Lê Lai - Ngô Quyền - HP**

Mẫu số: 01 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 09 tháng 05 năm 2010

Quyển số:

Số: 033

Nợ: 1111 4 734 400

Có: 5111 4 304 000

33311 430 400

Họ tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH TMXD & DV AN PHÁT

Địa chỉ: Lam Sơn - HP

Lý do nộp: Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt

Số tiền: **4 734 400 VND** (viết bằng chữ) **Bốn triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm đồng chẵn.**

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

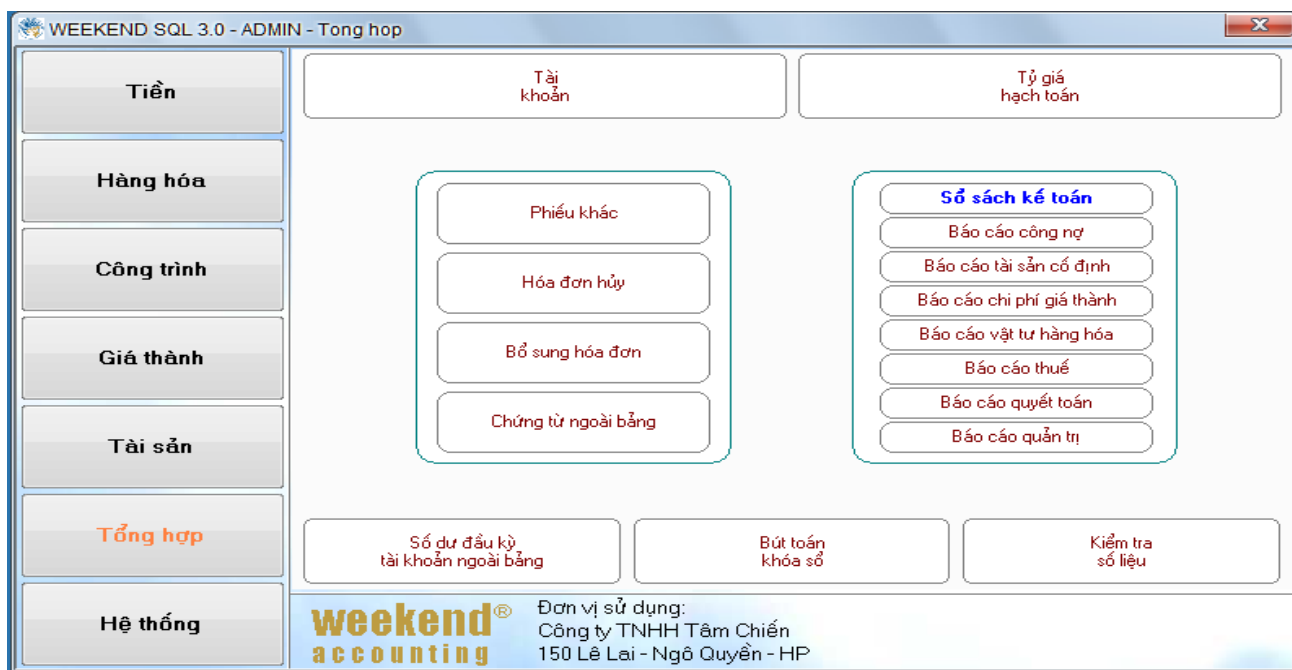
Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 20.....
Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

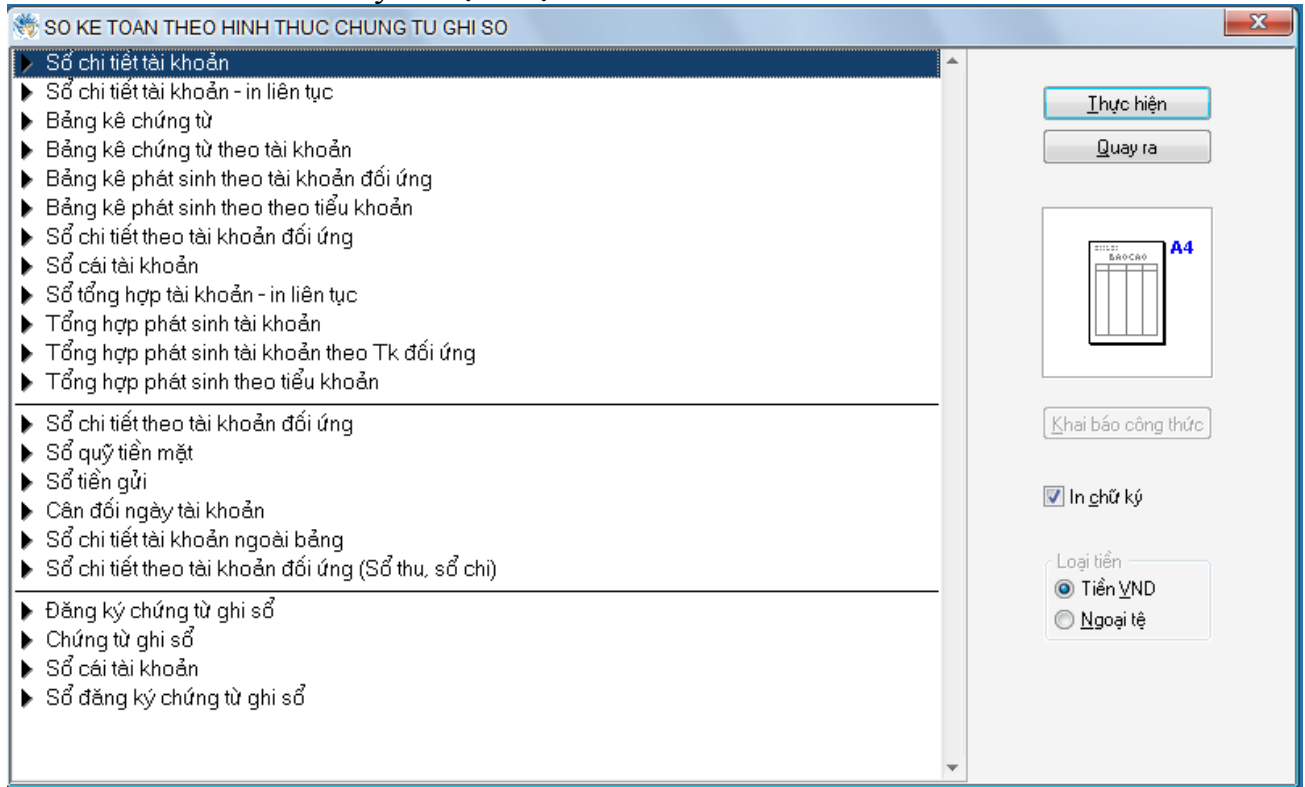
Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

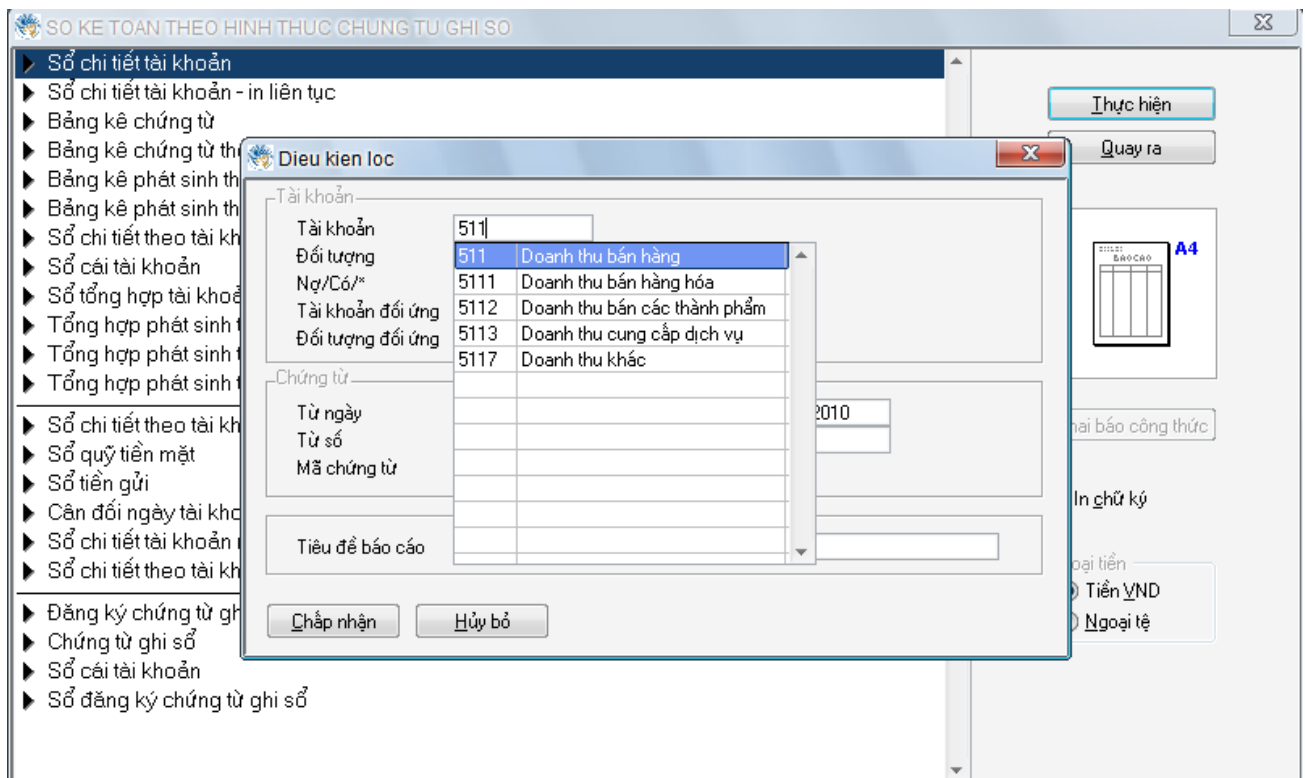
➤ Xem sổ sách kế toán : Vào màn hình làm việc của phần mềm, sau đó chọn phân hành “**Tổng hợp**” → nhấp chọn “**Sổ sách kế toán**”



- Khi phân hệ “Sổ sách kế toán” mở ra, tiến hành chọn sổ sách kế toán cần xem → nháy “Thực hiện”:



- Sau khi nháy “thực hiện” sẽ hiện ra bảng “Điều kiện lọc” – chọn sổ chi tiết của một tài khoản muốn xem:



➤ Xem số chi tiết tài khoản 511: trong tháng 05/2010

Công ty TNHH Tâm Chiến

1 Danh mục 2 Số dư 3 Tiền 4 Hàng hóa 5 Giá thành 6 Tài sản 7 Tổng hợp 8 Báo cáo 9 Hệ thống Table

F4 - Tiền mặt

Số chi tiết tài khoản Tk: 511: F3-Số, F7-Xem, F7-n, Esc-Quay lại

Ma	Ngay	Số	Danh mục	Vtk Đu	Ps no	Ps no
1	1	1	Số dư đầu kỳ			1 968 208 427
PT	06/05/2010	031	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		2 610 000
PT	09/05/2010	033	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		4 304 000
HD	10/05/2010	06188	Bán hàng công nợ	131		13 500 000
PT	12/05/2010	034	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		1 600 000
HD	15/05/2010	06190	Bán hàng công nợ	131		210 000 000
HD	18/05/2010	06191	Bán hàng công nợ	131		16 350 000
PT	22/05/2010	035	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		18 115 200
PT	22/05/2010	036	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		18 090 000
PT	24/05/2010	037	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		2 700 000
PT	25/05/2010	038	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		3 300 000
PT	26/05/2010	039	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		11 960 500
PT	26/05/2010	040	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		8 600 000
PT	27/05/2010	041	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	1111		14 700 000
HD	28/05/2010	06199	Bán hàng công nợ	131		238 375 000
HD	30/05/2010	06200	Bán hàng công nợ	131		98 400 000
1	1	1	Cộng phát sinh trong kỳ			662 504 700
1	1	1	Số dư cuối kỳ			2 630 705 127

C:\temp [c:\temp\voludng10\temp\admin\75546218\reports\k_cifmp.dbl] Record: 1/18 Exclusive

NUM CAPS

➤ Nhấn phím F7 để in số chi tiết tài khoản.

Biểu mẫu 2.2 (Trích tháng 05/2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
TỪ NGÀY 01/05/2010 ĐẾN NGÀY 31/05/2010

Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
PT	06/05	31	DT BH bằng tiền mặt	1111		2.610.000
PT	09/05	33	DT BH bằng tiền mặt	1111		4.304.000
HD	10/05	6188	Bán hàng công nợ	131		13.500.000
PT	12/05	34	DT BH bằng tiền mặt	1111		1.600.000
HD	15/05	6190	Bán hàng công nợ	131		210.000.000
HD	18/05	6191	Bán hàng công nợ	131		16.350.000
PT	22/05	35	DT BH bằng tiền mặt	1111		18.115.200
PT	22/05	36	DT BH bằng tiền mặt	1111		18.090.000
PT	24/05	37	DT BH bằng tiền mặt	1111		2.700.000
PT	25/05	38	DT BH bằng tiền mặt	1111		3.200.000
PT	26/05	39	DT BH bằng tiền mặt	1111		11.960.500
PT	26/05	40	DT BH bằng tiền mặt	1111		8.600.000
PT	27/05	41	DT BH bằng tiền mặt	1111		14.700.000
HD	28/05	6199	Bán hàng công nợ	131		238.375.000
HD	30/05	6200	Bán hàng công nợ	131		98.400.000
PK	31/05	45	K/C doanh thu T5	911	662.504.700	
			Cộng phát sinh trong kỳ		662.504.700	662.504.700
			Số dư cuối kỳ			

Biểu mẫu 2.3

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG
TỪ NGÀY 01/05/2010 ĐẾN NGÀY 31/05/2010

TT	Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	Mã Vt	Số lượng	Giá bán	Doanh thu	Thuế
41	HD	06/05	6186	Bán hàng thu TM				2.610.000	261.000
	HD	06/05	6186	Dây nhôm AV50	AV50	300	8.700	2.610.000	261.000
42	HD	09/05	6187	Bán hàng thu TM				4.304.000	430.400
	HD	09/05	6187	Dây bọc 2*2.5 ĐB	B25DB	100	9.152	915.200	91.520
	HD	09/05	6187	Dây bọc 2*2.5 loại 1	B25L1	400	8.472	3.388.800	338.880
43	HD	10/05	6188	Bán hàng công nợ				13.500.000	1.350.000
	HD	10/05	6188	Dây bọc 2*1.5 ĐB	B15DB	300	7.000	2.100.000	210.000
	HD	10/05	6188	Dây cáp 3*1.5	C315	1 000	11.400	11.400.000	1.140.000
44	HD	12/05	6189	Bán hàng thu TM				1.600.000	160.000
	HD	12/05	6189	Dây bọc 2*4 ĐB	B4DB	100	16.000	1.600.000	160.000
45	HD	15/05	6190	Bán hàng công nợ				210.000.000	21.000.000
	HD	15/05	6190	Dây mềm 1*2.5 HD	M25HD	30 000	7.000	210.000.000	21.000.000
.....									
				Tổng cộng		7 950		662.504.700	66.250.470

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 51

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán hàng công nợ	131	33311	1.350.000	
Bán hàng công nợ	131	5112	13.500.000	
Bán hàng công nợ	131	33311	21.000.000	
Bán hàng công nợ	131	5112	210.000.000	
Bán hàng công nợ	131	33311	1.635.000	
Bán hàng công nợ	131	5112	16.350.000	
Bán hàng công nợ	131	33311	23.837.500	
Bán hàng công nợ	131	5112	238.375.000	
Bán hàng công nợ	131	33311	9.840.000	
Bán hàng công nợ	131	5112	98.400.000	
Cộng	x	x	634.287.500	x

Kèm theo 05 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.5. (Trích chứng từ ghi sổ số 52)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 52

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
DT bán hàng bằng TM	1111	33311	261.000	
DT bán hàng bằng TM	1111	5112	2.610.000	
Rút tiền gửi nhập quỹ	1111	11213	157.600.000	
DT bán hàng bằng TM	1111	33311	430.400	
DT bán hàng bằng TM	1111	5112	4.304.000	
DT bán hàng bằng TM	1111	33311	160.000	
DT bán hàng bằng TM	1111	5112	1.600.000	
.....				
Cộng	x	x	225.067.670	x

Kèm theo 15 chứng từ gốc

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.6. (Trích chứng từ ghi sổ số 55)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 55

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/C doanh thu T5	5112	911	662.504.700	
K/C thu nhập hoạt động tài chính T5	5154	911	283.892	
Cộng	x	x	662.788.592	x

Kèm theo 20 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.7. (Trích quý 2 năm 2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511 Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....			...		
037	30/04	DT bán hàng bằng TM	111		81.642.000
052	31/05	DT bán hàng bằng TM	111		85.879.700
071	30/06	DT bán hàng bằng TM	111		53.946.900
038	30/04	Bán hàng công nợ	131		459.190.727
051	31/05	Bán hàng công nợ	131		576.625.000
073	30/06	Bán hàng công nợ	131		678.470.000
042	30/04	K/C doanh thu T4	911	540.832.727	
055	31/05	K/C doanh thu T5	911	662.504.700	
076	30/06	K/C doanh thu T6	911	732.416.900	
		Cộng phát sinh trong kỳ		1.935.754.327	1.935.754.327

❖ Theo dõi các khoản thanh toán của khách hàng:

Ví dụ: Ngày 15/05/2010, bán cho Công ty CP thương mại và xây lắp điện Hoàng Nhật 30.000m dây điện mềm 1x2,5 HD, đơn giá bán 7.000đ/m. Tổng tiền thanh toán là: 231.000.000. Thanh toán trả sau bằng chuyển khoản.

Biểu mẫu 2.8. Hóa đơn GTGT số 006190

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			RS/2009B		
Liên 3: Nội bộ			0006190		
Ngày 15 tháng 05 năm 2010					
Đơn vị bán hàng :					
Địa chỉ :					
Số tài khoản :					
Điện thoại:.....MS: 					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP TM và XLĐ Hoàng Nhật					
Địa chỉ : Số 11 Trần Nguyên Hãn – Lê Chân					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: CK MS: 0 2					
CTY TNHH TÂM CHIẾN TACHIKO 150 LÊ LAI – HẢI PHÒNG MST: 0200442083					
STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Dây mềm 1x2,5 HD	m	30.000	7.000	210.000.000
Cộng tiền hàng:					210.000.000
Thuế suất thuế GTGT:....10%... Tiền thuế GTGT:					21.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					231.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba mươi một triệu đồng chẵn ./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn số 06190, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 131 : 231.000.000

Có TK 5112 : 210.000.000

Có TK 33311 : 21.000.000

- Kế toán tiến hành nhập liệu hóa đơn số 06190 vào phần mềm. Cách thức lập hóa đơn GTGT số 06190 tương tự với cách nhập liệu hóa đơn số 01687(biểu mẫu số 2.1).
- Màn hình nhập liệu hóa đơn GTGT số 06190:

SUA CHUNG TU

Ngày: 15/05/2010 Số: 06190 Mã tệ: VND 1.00
 Hợp đồng: Người lập: ADMIN
 Đối tượng: HNH Công ty CPTM & XL điện Hoàng Nhật Tình trạng: Tổng hợp
 Ông bà: Công ty CPTM & XL điện Hoàng Nhật Địa chỉ: 11 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP
 Diễn giải (VN): Bán hàng công nợ
 Bộ phận:
 Mã nhập xuất: 131 Bán hàng công nợ
 Tài khoản nợ: 131 Phải thu của khách hàng

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	%Ck	F4
M25HD	Dây mềm 1*2.5 HD	m	5112	CT	30 000.00	7 000.00	210 000 000.00		C

Hạn thanh toán: 0 Loại chiết khấu: 1 Tiền chiết khấu: 0.00 Tiền hàng: 210 000 000.00
 Thuế GTGT (%): 10 Giá có thuế: K Tiền thuế GTGT: 21 000 000.00 Tiền thuế TTĐB: 0
 Tk nợ VAT: 131 Tk có: 33311 Tiền mặt: 0.00 Tổng tiền: 231 000 000.00

Chấp nhận Hủy bỏ

Cách nhập liệu của hóa đơn GTGT số 06190 chỉ khác với hóa đơn số 06187 là ô “Mã nhập xuất” của hóa đơn GTGT số 06190 thì mã nhập xuất là “131”.

- Khi nhập xong hóa đơn GTGT số 06190, phần mềm sẽ tự động lên sổ chi tiết phải thu khách hàng theo tên từng khách hàng.

Cuối tháng, kế toán sẽ cập nhật chứng từ ghi sổ một lần, căn cứ vào chứng từ ghi sổ, phần mềm sẽ lên sổ cái theo chứng từ ghi sổ đã được cập nhật.

Biểu mẫu 2.9.

**CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP**

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tên đối tượng: Công ty CP TM & XLD Hoàng Nhật

Năm 2010

Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
HD	29/04	6185	Bán hàng công nợ	33311	20.581.800	
HD	29/04	6185	Bán hàng công nợ	5112	205.818.000	
HD	15/05	6190	Bán hàng công nợ	33311	21.000.000	
HD	15/05	6190	Bán hàng công nợ	5112	210.000.000	
HD	15/06	45754	Bán hàng công nợ	33311	27.000.000	
HD	15/06	45754	Bán hàng công nợ	5112	270.000.000	
HD	30/07	45770	Bán hàng công nợ	33311	35.346.000	
HD	30/07	45770	Bán hàng công nợ	5112	353.460.000	
BC	06/08	49	KH chuyển trả tiền hàng	11213		1.143.205.800
HD	12/08	45774	Bán hàng công nợ	33311	41.630.000	
HD	12/08	45774	Bán hàng công nợ	5112	416.300.000	
HD	15/09	45782	Bán hàng công nợ	33311	19.920.000	
HD	15/09	45782	Bán hàng công nợ	5112	199.200.000	
HD	28/09	45787	Bán hàng công nợ	33311	7.157.000	
HD	28/09	45787	Bán hàng công nợ	5112	71.575.000	
BC	28/10	64	KH chuyển trả tiền hàng	11212		755.782.000
			Phát sinh trong kỳ		1.898.987.800	1.898.987.800
			Dư cuối kỳ			

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số 53****Ngày 31 tháng 05 năm 2010**

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
KH chuyển trả tiền hàng	11212	131	355.069.000	
KH chuyển trả tiền hàng	11212	131	176.000.000	
KH chuyển trả tiền hàng	11212	131	32.835.000	
KH chuyển trả tiền hàng	11213	131	179.894.000	
KH chuyển trả tiền hàng	11213	131	72.710.000	
KH chuyển trả tiền hàng	11213	131	31.020.990	
Cộng	x	x	847.528.990	x

Kèm theo 15 chứng từ gốc

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Ngày 31 tháng 05 năm 2010**
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu mẫu số 2.11.(Trích tháng 05/2010)

**CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG**

SỔ CÁI

Năm 2010

Số hiệu TK: 131

Tên TK: Phải thu khách hàng

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số	NT			Nợ	Có
.....					
		Số dư đầu tháng 05		731.150.800	
		Số phát sinh			
051	31/05	Bán hàng công nợ	511	576.625.000	
051	31/05	Bán hàng công nợ	333	57.662.500	
053	31/05	KH chuyển trả tiền hàng	112		847.528.990
		Tổng phát sinh tháng 05		634.287.500	847.528.990
		Số dư cuối tháng 05		517.909.310	

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của hàng bán chính là giá thành của thành phẩm nhập kho. Giá vốn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy phải theo dõi chặt chẽ và xác định đúng giá vốn của hàng bán ra trong kỳ.

➤ Chứng từ sử dụng:

+ Hoá đơn giá trị gia tăng

+ Phiếu xuất kho

+ Các chứng từ thanh toán liên quan như: Phiếu chi, uỷ nhiệm chi,...

Tài khoản sử dụng:

+ TK 632: Giá vốn hàng bán.

+ TK 155: Thành phẩm.

Xuất kho thành phẩm:

Khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh, căn cứ vào hóa đơn GTGT mà kế toán tiến hành nhập liệu phần bán hàng. Khi nhập liệu xong hóa đơn bán hàng, thì phần mềm sẽ tự chạy phiếu xuất kho tương ứng với các mặt hàng mà doanh nghiệp xuất bán.

➤ Phương pháp tính trị giá vốn của thành phẩm xuất bán tại Công ty:

Công ty áp dụng phương pháp tính giá vốn của thành phẩm xuất kho theo phương pháp: bình quân theo từng loại thành phẩm.

Trong phần mềm kế toán WEEKEND, khi chọn tính Phương pháp tính giá là “bình quân di động” thì khi cập nhật hóa đơn bán hàng, chương trình sẽ tự động áp giá đúng với giá vốn hàng xuất.

$$\text{Giá đơn vị BQ cả kỳ} == \frac{\text{Trị giá tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Lượng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng nhập trong kỳ}}$$

Phần mềm WEEKEND, sẽ tự động tính giá vốn cho từng loại thành phẩm sau mỗi lần nhập kho thành phẩm.

Ví dụ: Ngày 09/05/2010 xuất bán cho Công ty TNHH TM XD và DV An Phát 100m dây điện 2x2,5 ĐB, và 400m dây điện 2x2,5 L1.

Căn cứ theo hóa đơn số 06187(biểu mẫu số 2.1), kế toán đã tiến hành nhập liệu theo hóa đơn, phần mềm sẽ tự động chạy phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT số 06187.

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán sẽ biết được giá vốn của thành phẩm đã bán.

Do phần mềm đã tự tính giá vốn cho thành phẩm xuất bán, và tự động áp đúng giá cho thành phẩm xuất kho.

Hóa đơn GTGT số 06187(biểu mẫu 2.1), khi nhập liệu ở cột F4: đã chọn “C”- Tự động áp giá xuất” tức là chương trình đã tự tính giá vốn cho thành phẩm xuất kho.

➤ Sau khi nhập liệu xong hóa đơn số 06187 như đã trình bày trên, nhấn tổ hợp phím Ctrl+F7 để xem phiếu, hoặc có thể nhấn “Xem phiếu” trên màn hình làm việc của phân hệ đang mở.

HOA DON BAN HANG: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^F3-Mau bo, ^F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

STT	Ngày	Số	Diễn giải	Đối tượng	Tổng tiền
HD	06/05/2010	06186	Bán hàng thu TM	Công ty TNHH MTV Hùng Thoan	2 871 000.00
HD	09/05/2010	06187	Bán hàng thu TM	Công ty TNHH TMXD & DV An Phát	4 734 400.00
HD	10/05/2010	06188	Bán hàng công nợ	Công ty TNHH MTV Ngọc Thạch	14 850 000.00
HD	12/05/2010	06189	Bán hàng thu TM	Công ty CPTVDT & XL Bình Minh	1 760 000.00
HD	15/05/2010	06190	Bán	Hoàng Nhật	231 000 000.00
HD	18/05/2010	06191	Bán	Ngọc Thạch	17 985 000.00
HD	22/05/2010	06192	Bán	Đông Mạnh	19 926 720.00
HD	22/05/2010	06193	Bán	Đầu tư XD Đường	19 899 000.00
HD	24/05/2010	06194	Bán	g Thuan	2 970 000.00
HD	25/05/2010	06195	Bán	g Thuan	3 520 000.00
HD	26/05/2010	06196	Bán	ECICO	13 156 550.00

Chọn mẫu in

Thông tin chung

Chọn mẫu in: Phiếu xuất kho Sửa mẫu

Tiêu đề: Phiếu xuất kho

Thông tin in hóa đơn

Khách hàng: Công ty TNHH TMXD & DV An Phát

Địa chỉ: Lam Sơn - HP

Tài khoản:

Mã số thuế: 0200906680

Hình thức TT:

Chấp nhận Hủy bỏ

Vật tư	Tên	Đơn giá	Thành tiền
B25DB	Dây bọc 2*2.5 DB	9 152.00	915 200.00
B25L1	Dây bọc 2*2.5 loại 1	8 472.00	3 388 800.00

2/15

Thêm
Sửa
Xóa
Xem phiếu
In phiếu
Lọc
Quay ra
Công nợ
VAT

Tiền VND: 4 304 000.00
 Tiền thuế: 430 400.00

- Sau khi màn hình “Chọn mẫu in” xuất hiện, nhấp chọn “Phiếu xuất kho” trong hộp “Chọn mẫu in” → nhấn “Chấp nhận”.

Biểu mẫu 2.12.

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN**
Địa chỉ: **150 Lê Lai - Ngô Quyền - HP**

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 09 tháng 05 năm 2010

Số: 06187

Nợ: 6322 4 031 300
Có: 155 4 031 300

- Họ tên người nhận hàng: **CÔNG TY TNHH TMXD & DV AN PHÁT**
Địa chỉ (bộ phận): **Lam Sơn - HP**
- Lý do xuất kho: **Bán hàng thụ TM**
- Xuất tại kho: **Kho Cty (CT)**

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dây bọc 2*2.5 DB	B25DB	m	100.00		8 617.00	861 700
2	Dây bọc 2*2.5 loại 1	B25L1	m	400.00		7 924.00	3 169 600
Cộng tiền hàng							4 031 300

- Tổng số tiền (bằng chữ): **Bốn triệu không trăm ba mươi một ngàn ba trăm đồng chẵn.**

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 20.....
Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu xuất)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.13. (Trích tháng 05/2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 6322 – Gia vốn hàng bán thành phẩm
TỪ NGÀY 01/05/2010 ĐẾN NGÀY 31/05/2010

Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
HD	06/05	6186	Xuất bán TP	155	2.507.100	
HD	09/05	6187	Xuất bán TP	155	4.031.300	
HD	10/05	6188	Xuất bán TP	155	12.557.500	
HD	12/05	6189	Xuất bán TP	155	1.500.300	
HD	15/05	6190	Xuất bán TP	155	204.720.000	
HD	18/05	6191	Xuất bán TP	155	13.252.300	
HD	22/05	6192	Xuất bán TP	155	16.488.000	
HD	22/05	6193	Xuất bán TP	155	15.754.400	
HD	24/05	6194	Xuất bán TP	155	2.585.100	
HD	25/05	6195	Xuất bán TP	155	3.354.700	
HD	26/05	6196	Xuất bán TP	155	10.691.500	
HD	26/05	6197	Xuất bán TP	155	7.658.900	
HD	27/05	6198	Xuất bán TP	155	12.824.200	
HD	28/05	6199	Xuất bán TP	155	210.786.140	
HD	30/05	6200	Xuất bán TP	155	88.760.900	
PK	31/05	60	Kết chuyển giá vốn tháng 05	911		607.472.340
			Cộng phát sinh trong kỳ		607.472.340	607.472.340
			Số dư cuối kỳ			

Biểu mẫu 2.14. (Trích chứng từ ghi sổ số 56)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

Số 150 Lê Lai, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S02a-DNN

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 56

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán	6322	155	2.507.100	
Giá vốn hàng bán	6322	155	4.031.300	
Giá vốn hàng bán	6322	155	12.557.500	
Giá vốn hàng bán	6322	155	1.500.300	
Giá vốn hàng bán	6322	155	204.720.000	
Giá vốn hàng bán	6322	155	13.252.300	
.....				
Cộng	x	x	607.472.340	x

Kèm theo 26 chứng từ gốc

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.15. (Trích chứng từ ghi sổ số 67)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN **Mẫu số S02a-DNN**
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HẢI PHÒNG (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 67

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn T5	911	6322	607.472.340	
Kết chuyển CP QLKD T5	911	6422	34.677.155	
K/C CP tài chính T5	911	6354	5.335.210	
Cộng	x	x	647.484.705	x

Kèm theo 25 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu số 2.16. (Trích quý 2/2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

TK: 632 Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2010

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
044	30/04	Giá vốn hàng bán	155	483.783.830	
056	31/05	Giá vốn hàng bán	155	607.472.340	
074	30/06	Gia vốn hàng bán	155	675.410.666	
043	30/04	Kết chuyển giá vốn tháng 4	911		483.783.830
067	31/05	Kết chuyển giá vốn tháng 5	911		607.472.340
077	30/06	Kết chuyển giá vốn tháng 6	911		675.410.666
		Cộng phát sinh trong kỳ		1.766.666.836	1.766.666.836
		Số dư cuối kỳ			

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ *Chứng từ sử dụng*

- + Hoá đơn giá trị gia tăng;
- + Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng...
- + Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương;
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;

.....

➤ *Tài khoản sử dụng:*

Tại Công ty, kế toán dùng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này được mở chi tiết thành các tài khoản:

- TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó:
 - + TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 64223: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 64224: Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 64225: Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64228: Chi phí bằng tiền khác
- Và các tài khoản khác liên quan

Ví dụ: Tháng 05/2010 tính lương phải trả cho bộ phận quản lý kinh doanh.

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

SỐ 150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

Bộ phận : Quản lý

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 05 năm 2010

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Lương BHXH	Lương HD	Ngày công	Phụ cấp	Tổng lương	Các khoản phải thu			Thực lĩnh	Ký nhận
								BHXH (6%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)		
01	Đặng Văn Tâm	GĐ		4.000.000	24		3.692.304				3.962.308	
02	Đặng Văn Chiến	PGĐ		4.000.000	24		3.692.304				3.962.308	
03	Phạm Bích Hòa	KTBH		2.500.000	24		2.307.696				2.307.692	
04	Nguyễn Thị Thương	KT	941.600	1.800.000	24		1.661.544	56.496	14.124	9.416	1.590.918	
05	Cao Thị Thanh	KT	941.600	1.800.000	24		1.661.544	56.496	14.124	9.416	1.590.918	
06	Nguyễn Xuân Quỳnh	KTBH	941.600	1.800.000	24		1.661.544	56.496	14.124	9.416	1.590.518	
07	Nguyễn Ngọc Dũng	TQ	941.600	2.200.000	24		2.030.760	56.496	14.124	9.416	1.950.733	
08	Phạm Văn Tuấn	BV	941.600	1.400.000	24		1.292.304	56.496	14.124	9.416	1.221.688	
	Tổng cộng		4.708.000	19.500.000			18.000.000	282.480	70.620	47.080	17.637.484	

Biểu mẫu 2.16. (Trích tháng 05/2010)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 05/2010 kế toán định khoản:

- Tính theo lương phải trả người lao động:
 Nợ TK 64221: 18.000.000
 Có TK 334: 18.000.000
- Các khoản trích theo lương tính vào chi phí:
 Nợ TK 64221: 941.600
 Có TK 3383: 753.280 ($= 4.708.000 \times 16\%$)
 Có TK 3384: 141.240 ($= 4.708.000 \times 3\%$)
 Có TK 3389: 47.080 ($= 4.708.000 \times 1\%$)

Kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm:

- Dựa vào bảng thanh toán lương hàng tháng, kế toán sẽ vào phần hành “ Tổng hợp”, chọn phân hệ “Phiếu khác” để nhập liệu:

- Màn hình nhập liệu của “Phiếu khác”, nhập liệu phần hạch toán tiền lương tháng 05/2010:

PHIEU KE TOAN KHAC: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^F3-Mau bc, ^F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

Ngày	Số	Tiền	Ngày	Số	Mã tệ	Đơn vị
07/05	100	2 021 142.00	31/05/2010	18	VND	1.00
16/05	16	89 933 272.00				
31/05	18	67 437 467.00				

Đối tượng: KT **Chị Thương** **Tổng hợp**

Ông bà: Chị Thương Địa chỉ:

Diễn giải (VN): Hạch toán lương tháng 05/2010

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	154	42 996 923.00	42 996 923				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	64221	18 000 000.00	18 000 000			LG	Hạch toán lương tháng 05/2010
C	334	60 996 923.00	60 996 923				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	154	2 862 464.00	2 862 464				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	64221	753 280.00	753 280			BHXXH	Hạch toán lương tháng 05/2010
C	3383	3 615 744.00	3 615 744				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	154	536 712.00	536 712				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	64221	141 240.00	141 240			BHYT	Hạch toán lương tháng 05/2010
C	3384	677 952.00	677 952				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	154	178 904.00	178 904				Hạch toán lương tháng 05/2010
N	64221	47 080.00	47 080			BHTN	Hạch toán lương tháng 05/2010
C	3389	225 984.00	225 984				Hạch toán lương tháng 05/2010

Chi phí không hợp lệ: 0

Doanh thu chưa hạch toán: 0

Kèm theo: chứng từ gốc

Công nợ **VAT** **Phát sinh nợ** 67 437 467.00 **Phát sinh có** 67 437 467.00

Thêm Sửa Xóa Xem ghiếu In phiếu Lưu Hủy Lọc Quay ra

- Ngày: là ngày nhập liệu hạch toán lương
- Số : phần mềm tự nhảy theo số phiếu nhập liệu
- Đối tượng: chọn KT là đối tượng dùng để hạch toán lương hàng tháng
- Kế toán tiến hành nhập liệu như đã định khoản. Phần mềm chi tiết theo từng tài khoản.

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
TỪ NGÀY 01/05/2010 ĐẾN NGÀY 31/05/2010

Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
BN	07/05	18	Phí chuyển trả tiền mua hàng	11213	22.000	
PC	07/05	57	Trả tiền cước ĐT	1111	771.313	
PC	07/05	58	Trả tiền cước ĐT	1111	107.601	
BN	14/05	19	Phí chuyển tiền	11212	11.000	
BN	14/05	20	Phí chuyển tiền	11212	137.280	
PC	15/05	59	Trả tiền cước ĐT	1111	1.333.114	
PC	20/05	61	Trả tiền cước ĐT	1111	330.802	
BN	21/05	21	Phí chuyển trả tiền điện	11213	14.839	
BN	28/05	22	Phí chuyển trả tiền hàng	11212	145.200	
BN	31/05	24	Phí dịch vụ mobile	11212	50.000	
BN	31/05	25	Phí dịch vụ SMS	11213	9.900	
PC	31/05	66	Trả tiền xăng, dầu	1111	7.951.501	
PC	31/05	66	Trả tiền xăng, dầu	1111	451.186	
PK	31/05	53	Chi phí trả trước dài hạn	242	1.603.004	
PK	31/05	54	Chi phí trả trước ngắn hạn	142	138.084	
PK	31/05	18	Hạch toán lương tháng 05/2010	334	18.000.000	
PK	31/05	18	Hạch toán lương tháng 05/2010	3383	753.280	
PK	31/05	18	Hạch toán lương tháng 05/2010	3384	141.240	
PK	31/05	18	Hạch toán lương tháng 05/2010	3389	47.080	
PK	31/05	55	Phân bổ KH dùng BPQL	2141	2.658.731	
PK	31/05	56	Kết chuyển CP QLKD T5	911		34.677.155
			Cộng phát sinh trong kỳ		34.677.155	34.677.155
			Số dư cuối kỳ			

Biểu mẫu 2.19. (Trích chứng từ ghi sổ số 59)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

Số 150 Lê Lai, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S02a-DNN

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 59

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
.....				
Chi phí trả trước dài hạn	6422	242	1.603.004	
Chi phí trả trước ngắn hạn	6422	142	138.084	
Hạch toán lương tháng 05/2010	6422	334	18.000.000	
Hạch toán lương tháng 05/2010	6422	3383	753.280	
Hạch toán lương tháng 05/2010	6422	3384	141.240	
Hạch toán lương tháng 05/2010	6422	3389	47.080	
Phân bổ KH dùng BPQL	6422	2141	2.658.731	
.....				
Cộng	x	x	34.677.155	x

Kèm theo 19 chứng từ gốc

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2010

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
045	30/04	Chi phí bằng tiền	111	12.449.453	
059	31/05	Chi phí bằng tiền	111	10.945.517	
070	30/06	Chi phí bằng tiền	111	20.879.218	
045	30/04	Phí ngân hàng	112	11.000	
059	31/05	Phí ngân hàng	112	390.219	
070	30/06	Phí ngân hàng	112	87.840	
045	30/04	Chi phí trả trước ngắn hạn	142	138.084	
059	31/05	Chi phí trả trước ngắn hạn	142	138.084	
070	30/06	Chi phí trả trước ngắn hạn	142	112.571	
045	30/04	Chi phí trả trước dài hạn	242	1.599.636	
059	31/05	Chi phí trả trước dài hạn	242	1.603.004	
070	30/06	Chi phí trả trước dài hạn	242	1.479.283	
045	30/04	Phân bổ KH dùng BPQL	214	2.658.731	
059	31/05	Phân bổ KH dùng BPQL	214	2.658.731	
070	30/06	Phân bổ KH dùng BPQL	214	2.658.731	
045	30/04	Hạch toán lương tháng 04/2010	334	18.723.077	
059	31/05	Hạch toán lương tháng 05/2010	334	18.000.000	
070	30/06	Hạch toán lương tháng 06/2010	334	19.553.846	
045	30/04	Hạch toán lương tháng 04/2010	338	682.660	
059	31/05	Hạch toán lương tháng 05/2010	338	800.360	
070	30/06	Hạch toán lương tháng 06/2010	338	800.360	
043	30/04	Kết chuyển CP QLKD T4	911		36.375.633
067	31/05	Kết chuyển CP QLKD T5	911		34.677.155
077	30/06	Kết chuyển CP QLKD T6	911		45.713.089
		Cộng phát sinh trong kỳ		116.765.877	116.765.877
		Số dư cuối kỳ			

2.2.5. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tâm Chiến :

Thu nhập hoạt động tài chính chủ yếu của Công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng Công ty phải trả lãi vay của Ngân hàng, do Công ty đã vay vốn của Ngân hàng.

➤ *Tài khoản sử dụng :*

- TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính. Tài khoản này được chi tiết thành TK 5154 – Doanh thu từ lãi tiền gửi.
- TK 635 : Chi phí hoạt động tài chính. Tài khoản này được chi tiết thành TK 6354 – Lãi tiền vay.
- TK 112 : Tiền gửi ngân hàng. Tài khoản này được mở chi tiết thành tài khoản :
TK 1121 : Tiền Việt Nam. Trong đó :
 - + TK 11211: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam.
 - + TK 11212: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VIBank.
 - + TK 11213: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VPBank.

➤ *Chứng từ sử dụng :*

- + Giấy báo có
- + Giấy báo nợ
- + Bản sao kê của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng., chi tiết tài khoản khách hàng, các chứng từ ngân hàng có liên quan...
- Hàng tháng, khi có sao kê tài khoản khách hàng của Ngân hàng, kế toán sẽ dựa vào chứng từ của Ngân hàng để hạch toán các doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Doanh thu tài chính của Công ty chủ yếu là lãi từ các hoạt động giao dịch, lãi từ tiền gửi.

Ví dụ : Tháng 05/2010, khi có Chi tiết tài khoản khách hàng của Ngân hàng VPBank.

CHI TIẾT TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

Statement of Account

Từ ngày 31/05/2010 đến ngày 31/05/2010

Tran date from to

Khách hàng 000756284 Công ty TNHH Tâm Chiến

Client Int

TÀI KHOẢN 012704060002139 VND 602

Account Detail

Chứng từ		Mã NV Officer ID/Ref	Nội dung Remarks	MGD Tran_type	PS Nợ Debit	PS Có Credit	Số dư Balance
Ngày Tran Date	Số CT Seq No						
31-05-2010	99207533			TRS		75,048	535,819,498

Số dư đầu (Previous Bal): 535,744,450.00

Phát sinh nợ (Total Debit Amt): .00

Phát sinh có (Total Credit Amt): 75,048.00

Số dư cuối (Actual Bal): 535,819,498.00

Ngày..... tháng.....năm

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

Creator

Supervisor

➤ Căn cứ vào sao kê tài khoản khách hàng, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 11213: 75.048

Có TK 5154: 75.048

➤ Sau đó, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm: Vào màn hình làm việc của phần mềm, sau đó chọn phân hành “Tiền” → chọn phân hệ “Báo có”

WEEKEND SQL 3.0 - ADMIN - Tien

Tiền

Hàng hóa

Công trình

Giá thành

Tài sản

Tổng hợp

Hệ thống

Nhóm đối tượng

Đối tượng

Sản phẩm

Hợp đồng

Khoản mục phí

Bộ phận

Phiếu thu

Phiếu chi

Báo có

Báo nợ

Sổ sách kế toán

Báo cáo công nợ

Số dư đầu kỳ tài khoản

Số dư đầu kỳ các chứng từ công nợ

weekend[®] accounting Đơn vị sử dụng:
Công ty TNHH Tâm Chiến
150 Lê Lai - Ngô Quyền - HP

➤ Màn hình nhập liệu “Báo có” xuất hiện:

BAO CO NGAN HANG: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, *F3-Mau bc, *F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

Ngày	Số	Tiền	Ngày	Số	Mã tệ	Người lập	Tình trạng
05/05	029	179 894 000.00	31/05/2010	036	VND	ADMIN	Tổng hợp
12/05	030	355 069 000.00	Bộ phận				
17/05	031	72 710 000.00	Đối tượng	VP	Ngân hàng VP Bank		
18/05	032	176 000 000.00	Ông bà	Ngân hàng VP Bank	Địa chỉ	33 Phạm Ngũ Lão - Hải Phòng	
19/05	033	31 020 990.00	Diễn giải (VN)	Hạch toán lãi			
28/05	034	32 835 000.00					
31/05	035	204 644.00					
31/05	036	75 048.00					
31/05	037	4 200.00					

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	11213	75 048.00	75 048				Hạch toán lãi
C	5154	75 048.00	75 048				Hạch toán lãi

Chi phí không hợp lệ: 0
Doanh thu chưa hạch toán: 0
Kèm theo: chứng từ gốc

Công nợ VAT
Phát sinh nợ: 75 048.00
Phát sinh có: 75 048.00

Thêm Sửa Xóa Xem phiếu In phiếu Lưu Hủy Lọc Quay ra

- Nhập ngày là ngày ghi trên Chi tiết tài khoản khách hàng
- Số : phần mềm tự nhảy theo thứ tự nhập chứng từ
- Đối tượng: chọn Ngân hàng diễn ra giao dịch

- Phần TK:

+ TK 11211: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam.

+ TK 11212: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VIBank.

+ TK 11213: Tiền Việt Nam tại Ngân hàng VPBank.

Căn cứ vào Chi tiết tài khoản mà chọn Ngân hàng cho đúng với chứng từ Ngân hàng.

Biểu mẫu 2.20. (Trích tháng 05/2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 5154 – Lãi tiền gửi ngân hàng
Từ ngày 01/05/2010 đến 31/05/2010

Mã Ct	Ngày Ct	Số Ct	Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
BC	31/05	35	Hạch toán lãi	11212		204.644
BC	31/05	36	Hạch toán lãi	11213		75.048
BC	31/05	37	Hạch toán lãi	11211		4.200
PK	31/05	41	K/C thu nhập hoạt động tài chính T5	911	283.892	
			Cộng phát sinh trong kỳ		283.892	283.892
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.21 (Trích chứng từ ghi sổ số 58)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

Số 150 Lê Lai, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S02a-DNN

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 58

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Hạch toán lãi	11211	5154	4.200	
Hạch toán lãi	11212	5154	204.644	
Hạch toán lãi	11213	5154	75.048	
Cộng	x	x	283.892	x

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.22.(Trích quý 2/2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515 Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2010

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
046	30/04	Hạch toán lãi	112		50.754
058	31/05	Hạch toán lãi	112		283.892
072	30/06	Hạch toán lãi	112		40.755
042	30/04	K/C thu nhập tài chính T4	911	50.754	
055	31/05	K/C thu nhập tài chính T5	911	283.892	
076	30/06	K/C thu nhập tài chính T6	911	40.755	
		Cộng phát sinh trong kỳ		375.401	375.401
		Số dư cuối kỳ			

❖ Hàng tháng, khi có chứng từ ngân hàng về khoản lãi vay phải trả, kế toán sẽ theo dõi các khoản phải trả lãi cho Ngân hàng.

Ví dụ: Hàng tháng, ngân hàng VIBank, sẽ trừ lãi vay, cùng gốc theo hợp đồng vay vốn của Công ty, số tiền lãi vay này sẽ được trừ trực tiếp vào số tiền hiện có trong tài khoản của Công ty.

Tháng 05/2010, khi có Bảng kê lãi phải thu của Ngân hàng VIBank thông báo về khoản trả lãi vay của Công ty.

VIB

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 04/05/2010

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 01270460002139

Số tiền bằng số: 5.335.210

Số tiền bằng chữ: Năm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười đồng VNĐ

Nội dung: Lãi vay phải trả

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Căn cứ vào Giấy báo nợ của Ngân hàng, kế toán sẽ tiến hành nhập liệu vào phần mềm.

- Vào màn hình làm việc của phần mềm, chọn phần hành “Tiền”, sau đó chọn phân hệ “Báo nợ”

WEEKEND SQL 3.0 - ADMIN - Tiền

Tiền

Hàng hóa

Công trình

Giá thành

Tài sản

Tổng hợp

Hệ thống

Nhóm đối tượng

Đối tượng

Sản phẩm

Hợp đồng

Khoản mục phí

Bộ phận

Phiếu thu

Phiếu chi

Báo có

Báo nợ

Sổ sách kế toán

Báo cáo công nợ

Số dư đầu kỳ tài khoản

Số dư đầu kỳ các chứng từ công nợ

weekend®
accounting

Đơn vị sử dụng:
Công ty TNHH Tâm Chiến
150 Lê Lai - Ngô Quyền - HP

➤ Màn hình nhập liệu của “Báo nợ” xuất hiện:

BAO NO NGAN HANG: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^F3-Mau bc, ^F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat

Ngày: 04/05/2010 Số: 017 Mã tệ: VND 1.00

Bộ phận: Người lập: ADMIN

Đối tượng: VIB Ngân hàng VIBank Tình trạng: **Tổng hợp**

Ông bà: Ngân hàng VIBank Địa chỉ: 116 Nguyễn Đức Cảnh - Lê Chân - HP

Diễn giải (VN): Trả gốc, lãi vay

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	6354	5 335 210.00	5 335 210				Trả gốc, lãi vay
N	3411	66 000 000.00	66 000 000				Trả gốc, lãi vay
C	11212	71 335 210.00	71 335 210				Trả gốc, lãi vay

Chi phí không hợp lệ: 0

Doanh thu chưa hạch toán: 0

Kèm theo: chứng từ gốc

Phát sinh nợ: 71 335 210.00

Phát sinh có: 71 335 210.00

Công nợ VAT

Thêm Sửa Xóa Xem phiếu In phiếu Lưu Hủy Lọc Quay ra

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
TK 6354 - Chi phí lãi vay phải trả
TỪ NGÀY 01/05/2010 ĐẾN NGÀY 31/05/2010

Mã CT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	NT	Số			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
BN	04/05/2010	17	Trả lãi vay	11212	5.335.210	
PK	31/05/2010	100	K/C CP hoạt động tài chính T5	911		5.335.210
			Cộng phát sinh trong kỳ		5.335.210	5.335.210
			Số dư cuối kỳ			

Biểu mẫu 2. 24 (Trích chứng từ ghi sổ số 61)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

Mẫu số S02a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 61

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lãi vay	6354	11212	5.335.210	
Cộng	x	x	5.335.210	x

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu mẫu 2.25 (Trích quý 2 năm 2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN

150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

TK :635 Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2010

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
045	30/04	Trả lãi vay	112	5.011.863	
061	31/05	Trả lãi vay	112	5.335.210	
075	30/06	Trả lãi vay	112	4.118.953	
043	30/04	K/C CP hoạt động tài chính T4	911		5.011.863
067	31/05	K/C CP hoạt động tài chính T5	911		5.335.210
077	30/06	K/C CP hoạt động tài chính T6	911		4.118.953
		Cộng phát sinh trong kỳ		14.466.026	14.466.026
		Số dư cuối kỳ			

2.2.8. Tổng hợp thu, chi và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng.... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Căn cứ vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp của các phần hành liên quan, cuối tháng kế toán tổng hợp lên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.

➤ *Các tài khoản sử dụng:*

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập DN.
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

➤ *Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.*

Kết quả hoạt động bán hàng = Doanh thu thuần bán hàng - Giá vốn hàng bán - Chi phí quản lý kinh doanh

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu tài chính - Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Kết quả hoạt động toàn Công ty = Kết quả hoạt động bán hàng + Kết quả hoạt động tài chính + Kết quả hoạt động khác

*Trình tự hạch toán: (Đơn vị tính: Đồng)

Quý II/2010 kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Tâm Chiến thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK 511: 1.935.754.327

Có TK 911: 1.935.754.327

+ Kết chuyển doanh thu tài chính:

Nợ TK 515: 375.401

Có TK 911: 375.401

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911: 1.766.666.836

Có TK 632: 1.766.666.836

+ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 911: 116.765.877

Có TK 642: 116.765.877

+ Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911: 14.466.026

Có TK 635: 14.466.026

Kế toán thực hiện tính kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động trong Công ty:

Kết quả hoạt động bán hàng:

$$= 1.935.754.327 - 1.766.666.836 - 116.765.877 = 52.321.614$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = 375.401 - 14.466.026 = - 14.090.625$$

$$\Rightarrow \text{Kết quả hoạt động toàn Công ty} = 52.312.614 + (- 14.090.625) = 38.230.989$$

$\Rightarrow$ Vậy trong quý IV, Công ty đã lãi: 38.230.989 đồng.

$$\text{Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp} = 38.230.989 \times 25\% = 9.557.747 \text{ đồng}$$

Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ TK 821: 9.557.747

Có TK 3334: 9.557.747

Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp sang TK 911:

Nợ TK 911: 9.557.747

Có TK 821: 9.557.747

Sau khi tính được khoản lãi (lỗ) kế toán tổng hợp để kết chuyển số lãi hoạt động kinh doanh trong kỳ $= 38.230.989 - 9.557.747 = 28.673.242$ đồng.

Nợ TK 911: 28.673.242

Có TK 421: 28.673.242

- Cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh:
Kế toán thực hiện công việc kết chuyển trên phần mềm kế toán: Vào màn hình làm việc của phần mềm, sau đó chọn phần hành “Tổng hợp” → chọn phân hệ “Bút toán khóa sổ” để tiến hành kết chuyển



- Màn hình của “Bút toán khóa sổ” hiển thị:

Cong ty TNHH Tâm Chiến

1 Danh mục 2 So dư 3 Tiền 4 Hàng hóa 5 Giá thành 6 Tài sản 7 Tổng hợp 8 Báo cáo 9 Hệ thống Table

Bút toán khóa sổ: F2-Them, F3-Sua, F8-Xoa, Spacebar-Danh dau, F10-Ket chuyen, *F/G-Tim, Esc-Thoat

Số TT	Tk đi	Tk đến	Diễn giải	Chọn
01	521	5111	Các khoản giảm trừ doanh thu	
03	133	33311	Thuế GTGT được khấu trừ	x
04	33311	1331	Thuế GTGT được khấu trừ	x
09	511	9111	Kết chuyển doanh thu	x
100	621	4212	Kết chuyển thuế TNDN	
11	632	9111	Kết chuyển giá vốn	
13	642	9111	Kết chuyển chi phí kinh doanh	
21	515	9112	Thu nhập hoạt động tài chính	
22	711	9113	Thu nhập bất thường	
23	635	9112	Chi phí hoạt động tài chính	
24	811	9113	Chi phí bất thường	
25	821	9111	Chi phí thuế TNDN	
99	911	4212	Kết chuyển lãi lỗ	

Tại ô “Chọn”, tích lũy lượt và các tài khoản có phát sinh trong kỳ, sau khi tích chọn xong, phần mềm sẽ tự động kết chuyển các tài khoản sang tài khoản 911, và đồng thời tính lãi, lỗ.

Biểu mẫu 2.27. (Trích quý 2 năm 2010)

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

SỔ CÁI

TK: 911 Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Năm 2010

CTGS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
....					
042	30/04	K/C doanh thu T4	511		540.832.727
055	31/05	K/C doanh thu T5	511		662.504.700
076	30/06	K/C doanh thu T6	511		732.416.900
043	30/04	Kết chuyển giá vốn tháng 04	632	483.783.830	
067	31/05	Kết chuyển giá vốn tháng 05	632	607.472.340	
077	30/06	Kết chuyển giá vốn tháng 06	632	675.410.666	
043	30/04	K/C CP QLKD T4	642	36.375.633	
067	31/05	K/C CP QLKD T5	642	34.677.155	
077	30/06	K/C CP QLKD T6	642	45.713.089	
042	30/04	K/C thu nhập tài chính T4	515		50.754
055	31/05	K/C thu nhập tài chính T5	515		283.892
076	30/06	K/C thu nhập tài chính T6	515		40.755
043	30/04	K/C CP hoạt động tài chính T4	635	5.011.863	
067	31/05	K/C CP hoạt động tài chính T5	635	5.335.210	
077	30/06	K/C CP hoạt động tài chính T6	635	4.118.953	
078	30/06	K/C chi phí thuế TNDN quý 2	821	9.557.747	
079	30/06	Kết chuyển lãi lỗ quý 2	421	28.673.242	
		Cộng phát sinh quý 2		1.936.129.728	1.936.129.728

Biểu mẫu 2.27.

CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN
150 LÊ LAI - NGÔ QUYỀN - HP

Mẫu số B 02-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng
BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 2/2010

Chỉ tiêu	Mã số	T minh	Quý 2/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.08	1.935.754.327
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.935.754.327
4. Giá vốn hàng bán	11		
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.766.666.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		375.401
7. Chi phí tài chính	22		14.466.026
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.466.026
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		116.765.877
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		38.230.989
10. Thu nhập khác	31		
11. Chi phí khác	32		
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	38.230.989
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		9.557.747
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		28.673.242

Lập, ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN**TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂM CHIẾN.****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH Tâm Chiến:****3.1.1. Ưu điểm:**

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH Tâm Chiến. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Công ty TNHH Tâm Chiến được thành lập được 10 năm, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa

rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Chứng từ ghi sổ” và các chứng từ gốc và các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

Về phương thức hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo....Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán...cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần

thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính, và đưa vào sử dụng phần mềm kế toán, giúp giảm tải được công việc của kế toán. Đồng thời, đưa ra được các báo cáo quản trị kịp thời, nhanh chóng, giúp cho nhà quản lý nắm rõ tình hình tài chính của Công ty một cách kịp thời và nhanh chóng.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm đúng thời hạn quy định. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:

Khi Việt nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết công ty đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu ra chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.3. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những yêu cầu sau:

❖ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia cần phải có một cơ chế tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị

kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- ❖ Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc áp dụng các chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.
- ❖ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- ❖ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ đều sử lý chứng từ chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.4.2. Kiến nghị 2: Áp dụng chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng:

Hiện nay trên thị trường có nhiều công ty sản xuất, kinh doanh các mặt hàng của Công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra rất gay gắt, Công ty hiện nay đã có một số lượng khách hàng truyền thống lâu năm, những khách hàng này thường là những đại lý thường mua với số lượng lớn. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng, hàng hóa muốn bán được nhiều cần đáp ứng tốt về chất lượng vừa có giá cả phù hợp. Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như giảm giá, chiết khấu thương mại khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn và thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được những khách hàng này. Việc này sẽ khuyến khích cho việc tiêu thụ sản phẩm nhanh hơn, giúp tăng lợi nhuận của Công ty.

Để tiện theo dõi, kế toán nên tổ chức công tác kế toán như sau:

❖ Kế toán mở tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu.: tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Tài khoản này được mở chi tiết thành các tài khoản:

- TK 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh toàn bộ số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

- TK 5212 – Hàng bán bị trả lại: phản ánh trị giá bán của sản phẩm đã bán bị khách trả lại.

- TK 5213 – Giảm giá hàng bán: phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ

❖ Khi có nghiệp vụ thực tế phát sinh, kế toán tiến hành định khoản và lập sổ phản ánh các khoản phát sinh trong kỳ:

- Định khoản:

+ Đối với các khoản chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5211: chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112,131

+ Đối với các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 5212, 5213: Doanh thu bán chưa thuế

Nợ TK 3331: thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu (đã được chấp thuận) vào tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.

Nợ TK 5112: doanh thu bán thành phẩm

Có TK 521 (5211, 5212, 5213): các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Do doanh nghiệp dùng phần mềm kế toán WEEKEND, nên kế toán cần thực hiện theo đúng quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu trên phần mềm:

- Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thương mại, thì khi nhập liệu vào màn hình của phân hệ “Hóa đơn bán hàng” (đã nêu trên), kế toán nhấn phím F4 để chi tiết hóa đơn, và nhập liệu khoản chiết khấu thương mại, hoặc giảm giá hàng bán vào theo định khoản.

- Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ hàng bán bị trả lại, thì kế toán sẽ vào phần hành “Hàng hóa”, chọn phân hệ “Hàng bán bị trả lại”.

❖ Chính sách áp dụng chiết khấu thương mại:

- Khi khách hàng mua với số lượng lớn từ 1.000m dây đối với các loại cáp điện tiết diện loại “3x50 +1” loại đặc biệt và loại 1 thì có thể chiết khấu 2% trên trị giá mua hàng. Và sẽ cộng thêm 1,5% cho 1000m dây tiếp theo. Phần chiết khấu thương mại tối đa cho một lô hàng là 15%.

- Đối với các loại cáp nhỏ còn lại, và các loại dây điện Công ty nên áp dụng chiết khấu 10% cho các dây loại đặc biệt và loại 1, khi khách hàng mua với số lượng 10.000m dây cho mỗi loại.

❖ Kế toán nên mở sổ chi tiết (biểu mẫu 3.1) đối với các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ:

Biểu mẫu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	DOANH THU			CÁC KHOẢN TÍNH TRỪ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Các khoản khác (5212,5231)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....

- Ngày mở sổ:

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Ngày tháng.... năm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.4.3. Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Như đã trình bày rõ tác dụng của chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá thành phẩm. Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Bên cạnh đó, còn giúp cho Công ty giảm thiểu rủi ro trong việc thu hồi tiền hàng. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

❖ Phương pháp kế toán:

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

❖ Chính sách áp dụng chiết khấu thanh toán đối với người mua:

- Khách hàng mua với tổng tiền thanh toán từ 200.000.000 đồng trở lên, và thanh toán sớm trước thời hạn trả là 15 ngày, sẽ được chiết khấu thanh toán 2% trên tổng giá thanh toán.

3.4.4. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là các sản phẩm của Công ty phải cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm cùng loại trên thị trường hiện nay. Hơn nữa, đề nghị công ty nên có biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng

cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm thảo mãn tốt nhu cầu của khách hàng về hàng hoá. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện.

Trên cơ sở đó công ty nên mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở những khu vực thích hợp, công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Đồng thời, nó còn giúp công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tâm Chiến:

3.5.1. Về phía nhà nước:

Công ty TNHH Tâm Chiến là một doanh nghiệp kinh tế chuyên sản xuất và kinh doanh các loại dây, cáp điện mang thương hiệu TACHIKO. Công ty thuộc doanh nghiệp có quy mô vừa:

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

- Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích công ty.

- Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đối với công ty, hỗ trợ công ty trong quá trình huy động vốn.

3.5.2. Về phía công ty:

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính năm 2010, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn

ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân đầu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để tận dụng được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm khách hàng.

- Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng: Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển. Đây cũng là yếu tố quyết định sự bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp, để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi với khách hàng.

- Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán: Có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Tâm Chiến cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với sự giúp đỡ của các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin trân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo Thạc sĩ Bùi Thị Thúy – Giảng viên trường Học viện tài chính người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại Công ty.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Lê Nguyệt Ánh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ tài chính).
- Website www.tailieu.vn